

SỐ: 30 /BC-MNNK

Chà Tỏ, ngày 5 tháng 08 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026
ĐỘ TUỔI 18 – 24 THÁNG TUỔI

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục		Thực hiện trong tháng
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
* Phát triển vận động				
1	Trẻ bắt chước được một số động tác theo cô: giơ cao tay - đưa về phía trước - sang ngang.	- Hô hấp: tập hít thở. - Tay: giơ cao, đưa phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau. - Lưng, bụng, lườn: - Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên. - Chân: dang sang 2 bên, ngồi xuống, đứng lên.		9-> 12/2025 đến 1->5/2026
2	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1,8 - 2m	– Tập đi, chạy: + Đi theo hướng thẳng + Đi trong đường hẹp + Đi bước qua vật cản + Đi bước qua dây + Bước qua vạch kẻ + Đi theo hiệu lệnh		2 9 11 10 3 1
3	Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: biết lăn - bắt bóng với cô.	- Tập lăn, bắt + Ngồi lăn bóng bằng 2 tay		9

4	Trẻ phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản.	– Tập bò, trườn: + Trườn tới đích + Bò tới đích + Bò chui chui qua cổng + Bò đến vật chuẩn + Bò về phía trước có mang vật trên lưng. + Trườn về phía trước		2 4 1 11 5 12
5	- Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng một tay lên phía trước được khoảng 1,2m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m.	– Tập tung, ném + Đứng tung bóng, 4 + Ném bóng bằng 1 tay, 10 + Tung bóng qua dây, 3 + Ném bóng qua dây, 5 + Đứng ném bóng vào đích nằm ngang. 12		10-> 12, 1->5 ...
6	- Trẻ nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.	- Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay. - Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật. - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay.		9-> 12, 1->5
7	- Trẻ tháo lắp, lồng được 3-4 hộp tròn, xếp chồng được 2-3 khối trụ.	- Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông. - Đóng mở nắp có ren - Xếp, chồng 4-5 khối.		9-> 12, 1->5
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe				
8	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau.	Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau.		9

9	- Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa	- Làm quen chế độ ngủ 1 giấc		9-> 12, 1->5
10	- Trẻ biết “gọi” người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.	- Tập một số thói quen vệ sinh tốt: + Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. + “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn. + Làm quen với rửa tay, lau mặt. + Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. + Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh.		9-> 12, 1->5
11	Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	- Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. - Tập ngồi vào bàn ăn.		9-> 12, 1->5
12	Trẻ biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun..) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.		- 3-> 5
13	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế..) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.		9-> 12, 1->5
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức				
14	Trẻ sờ nắn, nhìn, nghe, để nhận biết đặc	–Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh.		9-> 12, 1->5

	điểm nổi bật của đối tượng..	–Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh.		
15	- Trẻ bắt chước hành động đơn giản của những người thân.	- Bắt chước hành động đơn giản của những người thân.		- 10, 11
16	- Trẻ chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi.	–Tên của bản thân. –Hình ảnh của bản thân trong gương. - Đồ chơi, đồ dùng của bản thân. - Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình/ nhóm lớp.		- 9 -> 11
17	- Trẻ chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi.	- Tên một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.		- 11
18	- Trẻ chỉ / lấy / nói tên đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	- Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu. - Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc - Tên của phương tiện giao thông gần gũi. - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, quả quen thuộc		- 10, 1, 3
19	- Trẻ chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người	–Màu đỏ, xanh. - Kích thước to - nhỏ.		- 2, 3
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
20	- Trẻ Thực hiện được các yêu cầu đơn giản: đi đến	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng		9-> 12, 1->5

	đây; đi rửa tay... - Trẻ hiểu được từ “không”: dừng hành động khi nghe “Không được lấy!”; “Không được sờ”,...	lời nói.		
21	- Trẻ trả lời được câu hỏi đơn giản: “Ai đây?”, “Con gì đây?”, “Cái gì đây?”, ...	- Trả lời và đặt câu hỏi: Ai đây? con gì?, cái gì?, làm gì?		9-> 12, 1->5
22	- Trẻ nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: con vịt, vịt bơi, bé đi chơi, ...	- Phát âm các âm khác nhau.		9-> 12, 1->5
23	- Trẻ đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc	- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ		9-> 12, 1->5
24	- Trẻ nói được câu đơn 2 - 3 tiếng: con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm; ...	- Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi.		3 -> 5
25	- Trẻ Chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu uống nước, cháu muốn ...).	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản.		9-> 12, 1->5
26	- Trẻ nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, chuyện kể đơn giản theo tranh.	Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, chuyện kể đơn giản theo tranh.		9-> 12, 1->5
27	- Trẻ tập mở sách, xem tranh	Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân		9-> 12, 1->5

	và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh.	vật, sự vật trong tranh.		
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ				
28	- Trẻ nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).	- Nhận biết tên gọi, hình ảnh bản thân.		- 11, 1, 3, 5
29	- Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.	- Giao tiếp với cô và bạn.		- 9, 10, 12, 4
30	- Trẻ cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh.	- Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh.		- 12, 2, 3
31	- Trẻ Thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật.	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi - Quan tâm đến các vật nuôi.		- 3 -> 5
32	- Trẻ chào tạm biệt khi được nhắc nhở	- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp, như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”.		- 1
33	- Trẻ Bắt chước được một vài hành vi xã hội (bé búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).	- Bắt chước được một vài hành vi xã hội (bé búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).		9-> 12, 1->5

34	- Trẻ làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn	- Làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn		9-> 12, 1->5
35	- Trẻ Thích nghe hát và vận động theo nhạc (dậm chân, lắc lư, vỗ tay....).	- Thích nghe hát và vận động theo nhạc (dậm chân, lắc lư, vỗ tay....).. - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc		- 9, 12-> 2, 5
36	- Trẻ Thích vẽ, xem tranh.	- Xem tranh, xếp hình - Tập cầm bút vẽ.		

NGƯỜI LẬP



Lường Thị Tuyền

**HIỆU TRƯỞNG
PHÊ DUYỆT**



Lô Thị Dung

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ.

Thời gian	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ hội	Điều chỉnh bổ sung
Từ ngày 3/9/2025 đến ngày 5/9/2025		Ổn định - rèn nề nếp		1	Ngày quốc khánh 2/9	
Từ ngày 8/9/2025 đến ngày 3/10/2025	1	Bé và các bạn	Bé biết nhiều thứ	1		
			Ôn	1		
			Lớp học của bé	1		

			Ôn	1		
Từ ngày 06/10 đến 31/10/2025	2	Đồ dùng đồ chơi của bé	Bé có đồ chơi đẹp	1	Ngày tết trung thu Ngày 20/10	
			Ôn	1		
			Đồ dùng bé thích	1		
			Ôn	1		
Từ ngày 3/11/2025 đến ngày 28/11/2025	3	Các bác các cô trong trường mầm non	Cô giáo của bé	1	Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	
			Ôn	1		
			Các cô các bác trong trường mầm non	1		
			Ôn	1		
Từ ngày 01/12/2025 đến ngày 26/12/2025	4	Bé và những người thân yêu trong gia đình	Mẹ của bé	1		
			Ôn	1		
			Gia đình bé có những đồ dùng gì?	1		
			Ôn	1		
Từ ngày 29/12/2025 đến ngày 23/01/2026	5	Những con vật đáng yêu	Con vật nuôi trong gia đình	1	Tết dương lịch việt nam 01/01/2026	
			Ôn	1		
			Những con vật sống trong rừng	1		
			Ôn	1		
Từ ngày 26/01/2026 đến ngày	6	Ngày tết vui về	Bé vui tết	1		
			Ôn	1		

27/02/2026			Công việc ngày tết	1		
			Ôn	1		
Từ ngày 02/03/2026 đến ngày 27/03/2026	7	Cây xanh và những bông hoa đẹp	Cây xanh	1	Ngày quốc tế phụ nữ 08/03/2026	
			Ôn	1		
			Các loại quả	1		
			Ôn	1		
Từ ngày 30/03/2026 đến ngày 24/04/2026	8	Bé đi khắp nơi bằng phươn g tiện gì	Phương tiện giao thông đường bộ	1		
			Ôn	1		
			Phương tiện giao thông đường thủy	1		
			Ôn	1		
Từ ngày 27/04/2026 đến ngày 22/05/2026	9	Mùa hè đến	Thời tiết mùa hè	1	Ngày sinh nhật Bác 19/05	
			Ôn	1		
			Mùa hè bé uống gì?	1		
			Ôn	1		

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025- 2026
ĐỘ TUỔI 25 – 36 THÁNG TUỔI

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
* Phát triển vận động			

1	- Trẻ thực hiện được động tác trong bài thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân	- Hô hấp: + Hít vào thật sâu + Thở ra từ từ - Tay: + Tay 1: 2 tay đưa lên cao hạ xuống + Tay 2: 2 tay đưa sang ngang, hạ xuống. + Tay 3: 2 tay đưa về phía trước - đưa về phía sau + Tay 4: 1 tay đưa về phía trước, 1 tay đưa về phía sau - Lưng, bụng: + Lưng bụng 1: Nghiêng người sang 2 bên phải, trái + Lưng Bụng 2: Quay người sang hai bên phải, trái. + Lưng bụng 3: Cúi người xuống, đứng thẳng người lên + Lưng Bụng 4: Ngửa người ra phía sau - Chân: + Chân 1: Đứng nhún chân + Chân 2: Ngồi xuống, đứng lên + Chân 3 : Co duỗi từng chân + Chân 4: Bật tại chỗ	1->10
2	- Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh-chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay	- Đi trong đường hẹp - Đi bước qua dây - Đi bước qua vật cản. - Đứng ném bóng vào đích nằm ngang - Đi theo hiệu lệnh - Đi có bê vật trên tay - Đi theo hiệu lệnh đi đều - Đứng co một chân - Đi bước qua gậy kê cao - Bước lên xuống bậc cao 15-17 cm - Bước lên xuống bậc có vịn - Đi theo đường ngoằn ngoèo	1 3 2 10 5 7 6 8 9 10 4 10

3	- Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay- mắt: tung- bắt bóng với cô khoảng cách 1 – 1,2m, ném vào đích xa 1->1,5m.	- Tung bóng - Ném bóng bằng 1 tay - Tung bóng qua dây - Ném bóng qua dây - Tung- bắt bóng cùng cô - Ngồi lăn bóng - Ném bóng trúng đích (đích xa 70-100cm).	1 2 4 3 5 1 8
4	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng	- Bò tới đích - Trườn tới đích - Bò đến vật chuẩn - Trườn đến vật chuẩn - Trườn về phía trước - Bò chui qua cổng - Bò thẳng hướng theo đường hẹp - Trườn qua vật cản - Bò qua vật cản - Bò thẳng hướng có mang vật trên lưng	1 3 2 7 2 5 6 8 4 9
5	- Trẻ thực hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m)	- Ném bóng về phía trước. - Nhún bật tại chỗ - Bật qua vạch kẻ. - Nhún bật về phía trước - Bật xa bằng 2 chân - Bật qua các vòng	7 5 6 8 9 9
6	- Trẻ vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay. Thực hiện “múa khéo”	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò, xé.	1,2,3,4,5,6,7, 8,9,10
7	- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động nhào đất, nặn, vẽ tổ chim, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Tập xâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây - Đóng cọc bàn gỗ - Nhón, nhặt đồ vật - Chắp ghép hình - Chồng, xếp 4-6 khối. - Tập cầm bút tô, vẽ - Lật, mở trang sách	1,2, 3,4,5,6,7,8,9, 10

*** Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe**

8	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau (thịt băm, cơm hạt, trứng...)	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau - Tập luyện nề nếp, thói quen tốt trong ăn uống - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt, ăn chín, uống sôi; rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn, vứt rác đúng nơi quy định.	1-> 10
9	- Trẻ biết ngủ 1 giấc buổi trưa	- Tập luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa	1,2,4,5,6,7,8,9,10
10	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định - KNS: Đi vệ sinh	1,2,5,6,7,8,9,10 2
11	- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh, tự lấy quần áo.....)	- Xúc cơm, uống nước - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt - Chuẩn bị chỗ ngủ - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - KNS: Cắt gỏi - KNS: Gấp chăn - KNS: Rửa tay - KNS: Bỏ rác đúng nơi quy định	1->10 7 9 3 8
12	- Trẻ chấp nhận: Đội mũ khi ra nắng, đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Tập mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo, khi bị bẩn bị ướt. - KNS: Mặc áo	6 -> 10 6
13	- Trẻ biết tránh 1 số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, bể nước, giếng, nhà 2 tầng, nhà sàn, cầu thang, lan can... và tránh xa các con vật như : (trâu, bò, chó...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần khi được nhắc nhở	1,2->10

14	- Trẻ biết tránh 1 số hành động nguy hiểm (leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, như dao, kéo...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động gây nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở - KNS: Phòng tránh vật dụng nguy hiểm	1,5,6,7,8,9,10 - 10
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức a. Luyện tập và phối hợp các giác quan			
15	- Trẻ biết sờ nắn, nhìn, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu theo gợi ý của cô. - Nghe và nhận biết âm thanh của 1 số đồ vật, tiếng kêu của 1 số con vật quen thuộc. - Sờ, nắn, nhìn, ngửi, nếm vị của một số đồ vật, hoa quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt, chua, mặn) - Sờ, nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng, mềm, trơn (nhẵn) -xù xì	1,2,4,6,7,10
b. Nhận biết			
16	- Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được 1 số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Nhận biết tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Nhận biết một số đồ dùng đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp	1,2,3,4,6,8,10
17	- Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Nhận biết tên của cô giáo, một số bạn trong nhóm/lớp. - Nhận biết tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.	1,3,4
18	- Trẻ nói được tên và chức năng của 1 số bộ phận cơ thể khi được hỏi	- Nhận biết tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân	1

		- Nhận biết tên, chức năng chính một số bộ phận cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân	
19	- Trẻ nói được tên và một số đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc	- Nhận biết tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng trong gia đình. - Nhận biết tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. - Trẻ biết bảo vệ chăm sóc cây xanh. Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi	4, 5, 7, 8
20	- Trẻ chỉ/nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu	Nhận biết màu đỏ, vàng, xanh khi được hỏi	2, 3, 4, 6, 7, 8, 9, 10
21	- Trẻ biết chỉ/ nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/ nhỏ theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh - Nhận biết hình tròn, hình vuông - Nhận biết số lượng (một - nhiều) - Nhận biết kích thước to – nhỏ - Xác định vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ	1->10
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
a. Nghe			
22	- Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 1 - 2 hành động. Ví dụ: “ Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay!”.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. -KNS: Cất balo đúng nơi quy định	1->10 5

23	- Trẻ trả lời các câu hỏi: "Ai đây ?" ; "Cái gì đây ?" ; "... làm gì ? " ; " ...thế nào ?" (ví dụ: Con gà gáy thế nào?)	- Nghe một số câu hỏi : "Cái gì ?" ; "Để làm gì ?" ; "Ở đâu ?" ; "Như thế nào?" - Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì?, làm gì?, ở đâu?,...thế nào?, để làm gì?, tại sao?	1,2,3,5,6,7,8,9, 10
24	- Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. - Nghe một số bài thơ đồng dao, ca dao, hò vè câu đố, bài hát và truyện ngắn	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
b. Nói			
25	- Trẻ phát âm rõ được một số tiếng	- Đọc một số đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng	1->10
26	- Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.		
27	- Trẻ nói được câu đơn, câu có tiếng 3-5 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.	2->10
28	- Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau dưới sự hướng dẫn của cô: + Chào hỏi, trò chuyện. + Biết bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Trẻ biết hỏi về các vấn đề quan tâm như : "Con gì đây ?" ; "Cái gì đây ?"...	- Tập sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1 - 2 câu đơn giản và câu dài. - Trả lời và đặt một số câu hỏi đơn giản: "Cái gì?"; "Làm gì?"; "ở đâu?"; "Thế nào"; "Để làm gì?"; "Tại sao?"	1->10
29	- Trẻ nói đủ nghe, lễ phép	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách	3, 5, 7, 8, 9,10

		- Xem tranh và gọi tên một số nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội .			
30	- Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi...).	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân	1, 5, 7, 9
31	- Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng đồ chơi yêu thích của mình.	1,2,5,6,7,8, 9
32	- Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh.	3, 4, 6, 7
33	- Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.	7, 8, 9, 10
34	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.		
35	- Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc / gần gũi: Bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các vật nuôi	5
36	- Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ả, vâng ả theo sự dẫn dắt của cô.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp : Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ "ạ ", "vâng ạ " - KNS: Chào hỏi	1-> 5 1
37	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bé em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	- Tập sử dụng đồ dung, đồ chơi	1-> 10
	- Trẻ biết chơi thân thiện	- Chơi thân thiện với bạn : chơi	1,2,6,7,8

38	cạnh trẻ khác	cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - Trẻ biết chơi đoàn kết không đánh, xô đẩy bạn.	
39	- Trẻ biết thực hiện một số yêu cầu của người lớn	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của cô giáo như: Ngồi vào ghế, đi vệ sinh, đi dép.. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm/lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định. - KNS: Đi dép	1-> 10 5->10 4
40	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau, nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc	1-> 10
41	- Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh.	1-> 10

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ.

Thời gian	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ hội	Điều chỉnh bổ sung
Từ ngày 3/9/2025 đến ngày 5/9/2025			Ổn định - rèn nề nếp	1	Ngày quốc khánh 2/9	
Từ ngày 8/9/2025 đến ngày 3/10/2025	1	Bé và các bạn	Bé biết nhiều thứ	1		
			Các bạn của bé ở lớp	1		
			Bé và các bạn cùng chơi	1		

			Lớp học của bé	1		
Từ ngày 06/10 đến 31/10/2025	2	Đồ dùng đồ chơi của bé.	Bé vui tết trung thu	1	Ngày tết trung thu Ngày 20/10	
			Đồ dùng của bé	1		
			Đồ dùng bé thích	1		
			Bé thích chơi gì?	1		
Từ ngày 3/11/2025 đến ngày 21/11/2025	3	Các bác các cô trong trường mầm non	Cô giáo của bé	1	Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	
			Các cô các bác trong trường mầm non	1		
			Công việc của các cô các bác trong trường mầm non	1		
Từ ngày 24/11/2025 đến ngày 12/12/2025	4	Bé và những người thân yêu trong gia đình	Mẹ của bé	1		
			Những người thân yêu trong gia đình bé	1		
			Gia đình bé có những đồ dùng gì?	1		
Từ ngày 15/12/2025 đến ngày 9/1/2026	5	Những con vật đáng yêu	Con vật nuôi trong gia đình	1	Tết dương lịch việt nam 1/1/2026	
			Một số con côn trùng	1		
			Những con vật sống trong rừng	1		
			Con vật sống dưới nước	1		
Từ ngày 12/01/2026 đến ngày 30/01/2026	6	Cây xanh và những bông hoa đẹp	Các loại hoa	1		
			Các loại quả	1		
			Các loại rau	1		

Từ ngày 2/02/2026 đến ngày 27/02/2026	7	Ngày tết vui vẻ	Bé vui tết	1	Tết nguyên đán từ 16/02 đến 22/2/2026	
			Công việc ngày tết	1		
			Nghỉ tết	1		
			Món ăn ngày tết	1		
Từ ngày 2/03/2026 đến ngày 27/3/2026	8	Bé đi khắp nơi bằng phương tiện gì	Phương tiện giao thông đường bộ	1		
			Phương tiện giao thông bé yêu thích	1		
			Phương tiện giao thông đường thủy	1		
			Phương tiện giao thông bé biết	1		
Từ ngày 30/03/2026 đến ngày 24/4/2026	9	Mùa hè đến	Thời tiết mùa hè	1		
			Mùa hè bé mặc gì	1		
			Mùa hè bé ăn gì ? uống gì?	1		
			Mùa hè bé được làm gì	1		
Từ ngày 27/4/2026 đến ngày 22/5/2026	10	Bé sắp lên mẫu giáo	Ôn	1		
			Bé sắp lên mẫu giáo	1		
			Lớp mẫu giáo của bé	1		
			Bé làm gì khi lên mẫu giáo	1		
Tổng cộng	Tổng: 10 chủ đề trong năm					

**KẾ HOẠCH CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG, GIÁO DỤC TRẺ LỚP
MẪU GIÁO BÉ 3 TUỔI. NĂM HỌC 2025 - 2026**

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Dự kiến CĐ
TT	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1	Trẻ biết thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	- Hô hấp: Hít vào thở ra, gà gáy sáng Thổi bóng bay, thổi nơ - Tay: + Hai tay lên cao, ra phía trước, dang ngang + Hai tay đưa sang ngang, đưa lên cao + Hai cánh tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. + Hai tay đánh chéo nhau về phía trước và ra sau	1- 9

		+ Tầm tay đưa lên cao, hay tay dang ngang - Lưng, bụng, lườn: + Đứng cúi về phía trước + Đứng nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay đưa cao hoặc đưa tay sau gáy + Đứng cúi người về trước, ngả người ra sau - Động tác chân: + Bật tách chụm tại chỗ + Đứng khuyu gối. + Tầm chân đưa ra trước, ra sau, sang ngang. + Đứng nâng cao chân, gập gối + Bật lên trước, lùi lại, sang bên	
2	Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi kiễng gót liên tục 3m.	- Đi kiễng gót - Đi trong đường hẹp	3 5
3	Trẻ kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.	- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc - Đi chạy theo cô	3 4 2
4	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).	- Tung và bắt bóng - Tung bóng lên cao bằng 2 tay - Đập bóng xuống sàn - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc	2 3 4 4
5	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15 m liên tục theo	- Bật tại chỗ - Bò theo hướng thẳng - Bật tiến về phía trước - Bật xa (20-25cm) - Bò theo đường dích dắc - Trườn theo hướng thẳng - Bò chui qua cổng - Bật xa 20-25cm – Đi trong đường hẹp	1 2 2 3 4 4 7

	hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài	- Trèo lên xuống ghế - Chạy theo đường đích dắc. Bật tại chỗ - Bước lên xuống bậc cao 30cm - Bò thấp chui qua cổng. Chạy theo hướng thẳng - Chạy nhanh 15m - Ném trúng đích nằm ngang - Trườn về phía trước. Đập bóng xuống sàn - Bò trong đường hẹp - Ném xa bằng 1 tay. - Ném trúng đích bằng 1 tay - Ném xa bằng 1 tay. Chạy nhanh 15m - Trườn về phía trước - Tung bắt bóng cùng cô. Bật tiến về phía trước - Ném xa bằng 2 tay - Bật xa. Chạy theo hướng thẳng 15m - Chạy theo hướng thẳng 15m	5 5 6 6 6 6 7 5 6 8 8 9 9 9 2
6	Trẻ thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau	Tập các cử động của bàn tay, ngón tay: - Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết.	1 - 9
7	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. - Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ. - Tự cài, cởi cúc.	Phối hợp tay, mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ: - Tô vẽ nguyệt xích ngoạc. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút - Xếp chồng các hình khối khác nhau - Cài, cởi cúc.	1- 9
b) GD Dinh dưỡng và sức khỏe			
8	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi Cân nặng: Bé trai: 12,7 – 21,2 kg Bé gái: 12,3-21,5 kg Chiều cao: Bé trai: 94,9-111,7cm Bé gái : 94,1-111,3 cm	- Nhận biết được các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - <i>Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).</i>	1,4,7,9
9	Trẻ biết nói đúng tên một số	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn	2

	thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	quen thuộc.	
10	Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	- Một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	3
11	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	2
12	Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo	- Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - <i>Kỹ năng tự phục vụ:</i> + <i>Tự phục vụ vệ sinh cá nhân (Chải đầu, buộc tóc, đi vệ sinh); Tự chăm sóc bản thân</i> + <i>Tự phục vụ khi ngủ: Biết tự lấy và cất chăn, gối và nằm đúng chỗ</i> - <i>Kỹ năng bảo vệ sức khỏe và an toàn:</i> + <i>Cùng dọn dẹp gọn gàng, ngăn nắp không gian sinh hoạt (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ...)</i> - Làm quen với cách đánh răng, lau mặt. - Tập thao tác rửa tay bằng xà phòng	1,2
13	Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách	- Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. - <i>Kỹ năng tự phục vụ: Tự phục vụ khi ăn uống:</i> + <i>Tự lấy và cất ghế, lau bàn</i> - <i>Kỹ năng sử dụng các đồ dùng, thiết bị an toàn: Sử dụng hiệu quả các đồ dùng thông dụng trong sinh hoạt và học tập</i>	1, 3
14	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - <i>Kỹ năng bảo vệ sức khỏe và an toàn:</i> + <i>Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe bản thân (ăn uống đúng giờ, chăm sóc mắt, mũi, răng, miệng): Trẻ đánh răng, rửa mặt hàng ngày, không nhét các vật vào mũi, tai...</i>	2
15	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con	2,3,4,8

	nhắc nhở: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu	người.. - Biết giữ gìn vệ sinh cá nhân, không sử dụng nước nhiễm bẩn trong mưa lũ để tránh dịch bệnh. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, đau, chảy máu - Bảo vệ sức khỏe, an toàn khi có thời tiết thay đổi hay hiện tượng thời tiết bất thường - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học - <i>Kỹ năng tự phục vụ: Lựa chọn và sử dụng trang phục đúng mùa, đúng cách</i>	
16	Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - <i>Kỹ năng bảo vệ sức khỏe và an toàn</i> + <i>Nhận biết được về nguồn lửa, nguồn nhiệt, và một số vật dụng có thể gây cháy nổ: Bếp ga, bình ga, điện...</i> + <i>Biết cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số sự cố có thể gây cháy, nổ: Không tự ý sử dụng các vật dụng có thể gây cháy nổ, báo cho người lớn khi phát hiện cháy, tìm cách thoát khỏi đám cháy...</i> + <i>Nhận biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy: Nút báo động, bình chữa cháy</i>	2
17	Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở. Trẻ có kỹ năng ứng phó phù hợp khi có thiên tai: mưa bão ở trong nhà, làm theo lời người lớn...	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn đến tính mạng như: Hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần. - Khu vực an toàn của trường học/ nơi lánh nạn khi có thiên tai. - Hoạt động phòng, chống thiên tai của gia đình - <i>Kỹ năng bảo vệ sức khỏe và an toàn:</i> + <i>Nhận biết và đánh giá đơn giản về tình huống, vấn đề và lựa chọn cách giải quyết phù hợp: Mưa bão thì không đi ra khỏi nhà,</i>	8

		sạt lở đất thì không được tới gần và đi qua, lũ lụt thì chạy đến khu vực đất cao hơn và an toàn, động đất thì chạy ra chỗ đất trống... + Ứng phó khi gặp mưa, gió, bão, sạt lở đất: Không đi qua và lại gần quanh khu vực sạt lở đất, không đi gần khu vực cầu, cống khi nước đang lên, dòng chảy mạnh + Ứng phó với sự thay đổi môi trường: Khi có dịch bệnh covid trẻ biết đeo khẩu trang, rửa tay bằng xà phòng, không đến những nơi đông người...	
18	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	- Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi nhắc được nhờ - Biết không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Kỹ năng bảo vệ sức khỏe và an toàn: + Phòng tránh bị lạc, bị bắt cóc: Không nói chuyện và nhận quà của người lạ, không ở nhà một mình, không ở một mình chỗ đông người....	1,3
2. Lĩnh vực phát triển Nhận thức			
a) Khám phá khoa học			
19	Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ + Các con đã biết gì về mưa? + Con thấy mưa, bão có đáng sợ không? + Khi mưa, bão nhiều con người sẽ gặp nguy hiểm gì? + Khi mưa thường hay xảy ra hiện tượng gì?	8
20	Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể - Đặc điểm (nổi bật), công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. * Dự án: + Làm đèn lồng + Làm cái mũ	1,2, 3,4,7,8,9

		+ Làm cái quốc + Làm ô tô tải + Làm chong chóng + Làm dây xúc xích	
21	Trẻ có thể làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	- Cách chăm sóc và bảo vệ cây gần gũi - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật gần gũi - Quá trình phát triển của cây; điều kiện sống của một số loại cây + Làm đất, gieo các loại hạt đậu, ngô... + Trồng cây hoa ở góc thiên nhiên: tưới cho cây, không tưới cho cây... - Trải nghiệm: Vắt nước cam - <i>Kỹ năng bảo vệ sức khỏe và an toàn: Tiếp xúc an toàn với các cây, hoa, quả:</i> + <i>Không tiếp xúc với cây, hoa, quả có độc, cây có gai ...</i> - Quá trình phát triển của con vật; điều kiện sống của một số con vật. - <i>Kỹ năng bảo vệ sức khỏe và an toàn: Tiếp xúc an toàn với động vật:</i> + <i>Không đến gần con vật hung dữ, rửa tay bằng xà phòng sau khi tiếp xúc với các con vật...</i> - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, sỏi, cát: + Thí nghiệm vật chìm, vật nổi... * Dự án: + Làm con gà con + Làm cây xanh	2,5,6
22	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. - Ảnh hưởng của các PTGT đối với môi trường: ô nhiễm môi trường không khí, gây nên hiệu ứng nhà kính, ảnh hưởng tới sức khỏe con người * Dự án: + Làm con gà con + Làm cây xanh	5,6 7
23	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	1,3,5,6,7

	bật.	- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.	
24	Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây <i>+Mưa nhiều sẽ làm cho cây, hoa quả chậm phát triển, con vật dễ bị nhiễm bệnh...</i>	5,6,8
25	- Biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo - Trẻ nhận biết, gọi tên và cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai hay xảy ra ở địa phương	- Một vài đặc điểm tính chất tính của đất đá, cát, sỏi Dấu hiệu đặc trưng của từng loại thiên tai: - Sạt lở: Đất đá trên các sườn dốc của đồi núi trượt từ trên xuống. - Lũ: là hiện tượng mực nước và tốc độ của dòng chảy trên sông, suối vượt qua mức bình thường. - Bão, lũ, sạt lở đất, giông, sấm sét, mưa đá, động đất... - Động đất ra chỗ đất trống - Sấm sét: Tránh xa cây to, cột điện, đỉnh núi hoặc người cầm cuốc xẻng/các vật dụng kim loại - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày	8
26	Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Chơi các góc, nhóm chơi như: Âm nhạc, tạo hình, trò chơi đóng vai, gia đình, bác sỹ xây dựng... <i>* Dự án:</i> + Làm đèn lồng + Làm cái mũ + Làm ngôi nhà + Làm cái quốc + Làm con gà con + Làm cây xanh + Làm ô tô tải	1-9

		+ Làm chong chóng + Làm dây xúc xích	
b) Làm quen biểu tượng toán sơ đẳng			
27	Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vệt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.	4, 6, 8
28	Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.	4, 6, 8
29	Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Nhận biết một và nhiều - So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn; (ít nhất) - Xếp tương ứng 1 - 1; ghép đôi	1, 3, 4, 5
30	Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. - Gộp và đếm 2 nhóm đối tượng phạm vi 3, 4, 5	5, 6, 9
31	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	- Tách 1 nhóm đối tượng phạm vi 3, 4, 5	5, 6, 9
32	Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp xen kẽ.	3, 5, 7
33	Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước. + So sánh chiều dài của 2 đối tượng + So sánh chiều cao của 2 đối tượng + So sánh chiều rộng của 2 đối tượng	2, 3, 6
34	Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để lắp ghép.	2, 3
35	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết tay phải – tay trái - Nhận biết phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau của bản thân	2, 3, 5
c) Khám phá xã hội			
36	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.	2

37	Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình.	3
38	Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	
39	Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	1
40	Trẻ có thể kể tên và nói được sản phẩm của Nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến. - Tôn trọng, yêu quý những người làm công tác phòng, chống thiên tai.	4
41	Trẻ biết kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Ngày hội đến trường của bé - Trò chuyện về ngày 20/10 - Tìm hiểu về ngày hội 20/11 - Tìm hiểu về ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22-12 - Ngày tết cổ truyền dân tộc (Thái, mông, kinh, khơ mú) - Trò chuyện về ngày hội 8/3 - Trò chuyện về ngày tết thiếu nhi 1/6 - Cờ Tổ Quốc - Hát quốc ca	1,3,4, 5,6, 9
42	Trẻ biết kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	- Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương: <i>Hầm Đờ cát, Đồi AI, Tượng Đài chiến thắng, Bảo tàng chiến thắng, Hầm đại tướng Võ Nguyên Giáp...</i>	6
43	Trẻ nhận biết và kể tên bằng tiếng việt: Trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, một số bộ phận cơ thể, màu sắc, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa, quả, con vật, PTGT, mùa hè...	- Một số hình ảnh trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, tên, một số bộ phận cơ thể, màu sắc, bộ phận, (các giác quan và các thành viên trong gia đình) nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa, quả, con vật, PTGT, mùa hè... - Làm quen với tiếng việt (học tiếng việt) + Các từ chỉ tên trường, lớp, đồ chơi, chào hỏi... + Các từ chỉ hành động, khuôn mặt, màu sắc, số đếm 1, 2, 3... + Các từ chỉ các phòng trong nhà bé, cảm xúc của bé... + Các từ chỉ một số nghề gần gũi	1-9

		+ Các từ chỉ một số con vật quen thuộc + Các từ chỉ một số loại hoa, quả... + Các từ chỉ một số PTGT, biển báo GT... + Các từ chỉ thời tiết mùa hè , một số hoạt động trong mùa hè... + Các từ chỉ một số địa danh ở Điện Biên...	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
a. Nghe hiểu lời nói			
44	Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản. Ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.	4
45	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng - Nghe lời nói trong giao tiếp hàng ngày - Hiểu ý nghĩa của từ biến đổi khí hậu, giải thích nguyên nhân, diễn biến của biến đổi khí hậu theo mối liên hệ đơn giản: Vì chặt phá rừng nên lũ lụt	1- 9
46	Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè, phù hợp với độ tuổi Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	1- 9
b. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày			
47	Trẻ nói rõ các tiếng. Trẻ nói được từ, câu tiếng việt đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt. - Nói tiếng việt tên chỉ trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, màu sắc - Nói tiếng việt từ chỉ tên, giới tính, một số bộ phận trên cơ thể - Nói tiếng việt tên chỉ một số thành viên trong gia đình, hành động - Nói tiếng việt tên chỉ nghề nghiệp quen thuộc - Nói tiếng việt tên chỉ một số hoa, quả - Nói tiếng việt tên chỉ con vật - Nói tiếng việt chỉ PTGT - Nói tiếng việt tên chỉ mùa hè - Nói tiếng việt tên chỉ một số địa danh ở Điện Biên...	1-9

48	Trẻ biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...	Trả lời và đặt các câu hỏi: “ Ai?”; “ Cái gì?”; “ Ở đâu?”; “ Khi nào?” “Để làm gì”. - Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hàng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi. - <i>Kỹ năng áp dụng các kỹ năng giao tiếp xã hội:</i> + <i>Trình bày ý kiến cá nhân: Tự tin, nói năng lễ phép, rõ ràng, hiểu vấn đề cần trình bày...</i> - <i>Kỹ năng tư duy phản biện: Đặt câu hỏi phù hợp về tình huống/ vấn đề</i> - <i>Kỹ năng giải quyết vấn đề: Vận dụng các kiến thức, kĩ năng phù hợp với tình huống</i>	1-9
49	Trẻ biết sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.	1- 9
50	Trẻ có thể kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	- Kể lại sự việc - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.	1- 9
51	Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1-9
52	Trẻ có thể kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.	8
53	Trẻ có thể bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.	5
54	Trẻ biết sử dụng các từ “ Vâng ạ”; “Dạ”; “ Thưa” ... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	3
55	Trẻ nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	3
c. Làm quen với đọc- viết			
56	Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Giữ gìn sách.	9
57	Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong	Mô tả sự vật qua tranh ảnh có sự giúp đỡ	8

	tranh.		
58	Trẻ thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Làm quen với sử dụng sách bút - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)	1-9
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội			
a. Phát triển tình cảm			
*Thể hiện ý thức về bản thân			
59	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính. - Bình đẳng giới - <i>Kỹ năng tự nhận thức bản thân và môi trường xung quanh:</i> + Nhận biết về bản thân/gia đình/ cô giáo và bạn bè (Tên, tuổi, giới tính, sở thích...) + <i>Thể hiện mình thuộc dân tộc: Kinh, thái, H'Mông, Kơ Mú...</i>	2
60	Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích. - <i>Kỹ năng ra quyết định:</i> + <i>Lựa chọn hoạt động: Trẻ lựa chọn hoạt động mà mình yêu thích và thực hiện</i>	2
* Thể hiện sự tự tin, tự lực			
61	Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Chờ đến lượt	4
62	Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ) - <i>Kỹ năng tự nhận thức bản thân và môi trường xung quanh:</i> + <i>Tự tin vào bản thân: Trẻ mạnh dạn thể hiện khả năng của bản thân trước mọi người</i>	6
* Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh			
63	Trẻ có thể Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) của bản thân và người khác qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói (tranh ảnh)	7

		- Kỹ năng đồng cảm với người khác: + Chia vui chia buồn với người khác: Trẻ biết nói lời khen ngợi, động viên với người khác	
64	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động. - Kỹ năng đồng cảm với người khác: + Giúp đỡ, chia sẻ, đồng cảm với người khác: - Kỹ năng kiểm soát cảm xúc: + Nhận biết và thể hiện cảm xúc của bản thân phù hợp với hoàn cảnh + Vượt qua sự lo lắng/sợ hãi/nỗi buồn: + Ứng xử khi bị chế giễu: Giữ bình tĩnh, báo với cô giáo, yêu cầu đối phương dừng chế giễu... + Tiếp cận lời khen chê + Giải tỏa căng thẳng, mệt mỏi	7
65	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ. Thả thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ - Trẻ biết Bác Hồ rất yêu quý các cháu thiếu nhi. - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ (Lăng Bác Hồ) - Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ	9
b. Phát triển kỹ năng xã hội			
* Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội			
66	Trẻ có thể thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp: Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ - Một số quy định ở gia đình: Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột. - Phân biệt hành vi “đúng” – “sai”, “tốt” – “xấu” - Kỹ năng tự nhận thức bản thân và môi trường xung quanh: + Bảo vệ những đồ dùng/ sản phẩm của cá nhân và tôn trọng đồ dùng/sản phẩm của người khác: Bảo vệ giữ gìn đồ dùng đồ chơi và tôn trọng sản phẩm của mình và của bạn - Kỹ năng áp dụng các kỹ năng giao tiếp xã hội: Thực hiện quy định nơi công cộng (Xếp	1,3, 8

		<i>hàng chờ đến lượt, không làm ồn...)</i> - Tiết kiệm nước	
67	Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Cữ chỉ lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - <i>Kỹ năng áp dụng các kỹ năng giao tiếp xã hội:</i> + <i>Ứng xử phù hợp với người giao tiếp</i> + <i>Thể hiện sự biết ơn, tôn trọng những gì người khác làm cho mình</i> + <i>Thể hiện sự biết lỗi: Biết xin lỗi khi mắc lỗi</i> - <i>Nhận quà/li xì ngày tết: Trẻ biết khoanh tay xin và nói lời cảm ơn</i> + <i>Đón khách đến nhà: Biết lễ phép chào hỏi và mời khách vào nhà</i> + <i>Đến chơi nhà người khác: Biết lễ phép chào hỏi, không tự ý chạm và sử dụng di chuyển đồ đạc trong nhà, tuân thủ quy tắc của chủ nhà...</i> - <i>Kỹ năng đồng cảm với người khác: Ứng xử khi người khác có lỗi</i>	6
68	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Chú ý nghe khi cô, bạn nói	4
69	Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hòa thuận với bạn. - Chờ đến lượt (Hợp tác) - Chia sẻ cảm thông với bạn vùng thiên tai. - <i>Kỹ năng áp dụng các kỹ năng giao tiếp xã hội:</i> + <i>Chơi vui vẻ, là người bạn tốt</i> - <i>Kỹ năng tôn trọng sự đa dạng:</i> + <i>Ứng xử khi người khác không giống với mình: Tôn trọng và hoà hợp với người khác</i>	6
*Quan tâm đến môi trường			
70	Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- <i>Kỹ năng sống hài hoà với môi trường tự nhiên:</i> + <i>Yêu quý, bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên</i> + <i>Sử dụng vật liệu tự nhiên/ tái chế: Lá cây, vỏ chai, bìa, tre nứa..</i> - <i>Kỹ năng suy nghĩ sáng tạo:</i> + <i>Phát hiện và lựa chọn các vật liệu đồ dùng thay thế</i> <i>Trẻ biết chọn các vật liệu khác nhau để tạ ra</i>	5,6

		<i>sản phẩm</i>	
71	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường - Tiết kiệm điện nước - <i>Kỹ năng sống hài hoà với môi trường tự nhiên:</i> + <i>Phân loại rác</i> + <i>Giữ gìn, sử dụng tiết kiệm các đồ dùng sinh hoạt hàng ngày (quần áo, đồ dùng học tập, thực phẩm...)</i>	1,8
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ			
a. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)			
72	Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	1->9
73	Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).	1->9
74	Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm + Tô màu bánh trưng thu + Chơi với đất nặn ,chia đất làm nhiều phần + <i>Trải nghiệm với giấy phế liệu</i> + Di màu làm đẹp khuôn mặt (Khuôn mặt, mái tóc) + <i>Xếp hình người từ hạt gạo</i> + Tô màu ngôi nhà của bé + Nặn một số loại bánh + Gấp dán áo bác sĩ + <i>Làm tranh từ nguyên vật liệu khác nhau</i> + Vẽ quà tặng chú bộ đội + Tô màu một số con vật + <i>Tạo hình con cá từ lá cây</i> + Dán một số con côn trùng + <i>Tạo hoa từ bìa cát tông</i> + Dán hoa tặng bà, tặng mẹ + Tô màu một số loại quả	1 2 3 4 5 6

		+ Nặn củ cà rốt + Tô màu đèn tín hiệu giao thông + Dán ô tô + Vẽ mưa + <i>Tạo hình ông mặt trời từ nguyên vật liệu khác nhau</i> + Tô màu trang phục dân tộc + Nặn theo ý thích	7 8 9
b. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình)			
75	Trẻ biết hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	1->9
76	Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	1->9
77	Trẻ biết Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích - <i>Kỹ năng suy nghĩ, sáng tạo:</i> + <i>Tìm kiếm những cách làm khác nhau: Trẻ sáng tạo ra các sản phẩm bằng các cách làm khác nhau</i> * <i>Dự án:</i> + Làm đèn lồng + Làm cái mũ + Làm cái quốc + Làm con gà con + Làm cây xanh + Làm ô tô tải + Làm chong chóng + Làm dây xúc xích	1-9
78	- Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản.	1->9
79	Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản. + <i>Trải nghiệm với giấy phế liệu</i> + Gấp dán áo bác sĩ + <i>Làm tranh từ nguyên vật liệu khác nhau</i> + Dán một số con côn trùng + <i>Tạo hoa từ bìa cát tông</i> + Dán hoa tặng bà, tặng mẹ	2 4 5 6

80	Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	+ Dán ô tô + Tạo hình ông mặt trời từ nguyên vật liệu khác nhau	7 8
		- Sử dụng một số kĩ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản. + Chơi với đất nặn ,chia đất làm nhiều phần + Nặn một số loại bánh + Nặn củ cà rốt + Nặn theo ý thích	2 3 6 9
81	Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Sử dụng một số kĩ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.	2,4,5,6,7,8
82	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.	1->9
c. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)			
83	Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi / nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	1->9
84	Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	9
85	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	1->9

**DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ, THỜI GIAN THỰC HIỆN CÁC CHỦ ĐỀ
NĂM HỌC: 2025 - 2026**

Thời gian (Từ ngày 08 /9 đến ngày 22/5)	ST T	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ hội	Điều chỉnh, bổ sung
01->05/09		<i>Hoạt động ngoại khoá</i>				
Từ ngày 08/9 – 19/9/2025	1	Trường mầm non thân yêu (2 tuần)	Trường mầm non thân yêu của bé	1	Ngày hội đến trường của bé (5/9) và Tết trung thu	
			Bé vui đón tết trung thu	1		
Từ ngày		Bản thân	Bé hãy giới thiệu về mình	1	Ngày hội của các	
			Cơ thể tôi	1		

22/9 – 24/10/2025	2	(5 tuần)	Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh (T1)	1	bà, mẹ, cô giáo, các bạn gái (20/10)	
			Ngày hội của các bà, mẹ, cô giáo, các bạn gái 20/10	1		
			Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh (T2)	1		
Từ ngày 27/10 – 28/11/2025	3	Gia đình của bé (5 tuần)	Mời bạn đến thăm gia đình tôi	1	Ngày hội của các cô giáo (20/11)	
			Gia đình sống chung một ngôi nhà	1		
			Nhu cầu gia đình (T1)	1		
			Ngày hội của các cô giáo 20/11	1		
			Nhu cầu gia đình (T2)	1		
Từ ngày 01/12 – 26/12/2025	4	Các nghề phổ biến (4 tuần)	Nghề sản xuất	1	Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12	
			Nghề chăm sóc sức khỏe	1		
			Nghề xây dựng	1		
			Nghề giúp đỡ cộng đồng	1		
Từ ngày 29/12 – 06/02/2026	5	Thế giới động vật (6 tuần)	Con vật nuôi trong gia đình (Tuần 1)	1	Tết dương lịch	
			Con vật nuôi trong gia đình (Tuần 2)	1		
			Con vật sống trong rừng	1		
			Cá và một số con vật sống dưới nước	1		
			Bé vui đón tết – mùa xuân	1		
			Côn trùng và chim	1		
Từ 09/02 – 20/03/2026	6	Thế giới thực vật (5 tuần)	Cây xanh	1	Tết nguyên đán. Lễ hội hoa ban và ngày quốc tế phụ nữ 8/3	
			Cây cho hoa	1		
			Ngày hội 8/3	1		
			Cây cho quả	1		
			Một số loại rau	1		
Từ 23/3 – 10/4/2026	7	Phương tiện và quy định giao thông	Một số phương tiện giao thông	1		
			Một số quy định giao thông (Tuần 1)	1		

		(3 tuần)	Một số quy định giao thông (Tuần 2)	1		
Từ 13/4 – 24/4/2026	8	Hiện tượng tự nhiên (2 tuần)	Nước và một số hiện tượng thiên nhiên	1	Ngày giỗ tổ Hùng Vương 10/3 (Âm lịch). Ngày giải phóng miền nam 30/4 và ngày quốc tế lao động 1/5	
			Mùa hè	1		
			Ôn tập	1		
Từ 04/5 – 22/5/2026	9	Quê hương đất nước Bác Hồ (3 tuần)	Bản làng em	1	Ngày sinh nhật Bác 19/5 và quốc tế thiếu nhi 1/6	
			Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	1		
			Tết thiếu nhi 1/6	1		

ST T	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung	Chủ đề thực hiện	Đ i ề u
---------	------------	----------	----------	------------------------	------------------

									c h i n h b ố s u n g
			Riêng	Chung					
1. Lĩnh vực phát triển thể chất									
a) Phát triển vận động									
1	4	Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh	- Hai tay đưa lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với nắm, mở bàn tay). - Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (Phía trước, phía sau, trên đầu). - Cuối về phía trước, ngửa người ra sau. - Quay sang trái, sang phải - Nghiêng người sang trái, sang phải - Nhún chân. - Ngồi xổm, đứng lên; Bật tại chỗ - Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.	* 4+5T: - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: Hai tay đưa lên cao, ra phía trước, sang 2 bên {(kết hợp với nắm, mở bàn tay); (kết hợp với vẩy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân)}.					
					1->9				

2	5	Trẻ thực hiện đúng, đủ, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp	- Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.			

3	4	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.	- Đi bước lùi	* 4+5T: - Đi khuyu gối, đi trên dây (vạch kẻ trên sàn) - Đi bằng (gót chân, đi lùi; mép ngoài bàn chân) - Nhảy (Nhảy lò cò 3m; 5m) - (Đi thăng bằng trên ghế thể dục; Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát)	1,2,3,5	
	5	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây.	- Đi nổi bàn chân tiến, lùi. - Đi trên ván kê dốc		5,6,7,8	
5	4	Trẻ có thể kiểm soát được vận động:	- Đi, chạy đích dắc (Đổi hướng) theo vật chuẩn.	* 4+5T: - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh		

		- Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích đặc).			4,6,8	
6	5	Trẻ có thể kiểm soát được vận động: - Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).	- Đi, chạy thay đổi hướng, đích đặc theo hiệu lệnh.			
7	4	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên	- Tung bắt bóng với người đối diện.	* 4+5 T: - Tung bóng lên cao và bắt. - Ném (Ném trúng đích bằng 1 tay; 2 tay) - Đập và bắt bóng tại chỗ.	1,3,4,6,8	

		tiếp.				
8	5	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: - Ném và bắt bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp.	- Đi và đập bắt bóng.			
9	4	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	- Bò chui qua cổng. - Trèo qua ghế dài 1,5 x 30 cm. - Trườn theo hướng thẳng.	* 4+5 T: - Chạy (15m trong khoảng 10 giây; 18 m trong khoảng 10 giây) - Chạy chậm (60 - 80m; 100 - 120m) - Bò bằng bàn tay và bàn chân (3- 4m; 4-5m) - Bò đích dắc qua (5 điểm; 7 điểm) - Bò chui qua ống dài (1,2 x 0,6 m; 1,5m x 0,6m) - Trèo lên, xuống (5 gióng thang; 7 gióng thang) - Bật (liên tục về phía trước; liên tục vào vòng)	1->9	
10		Trẻ thể hiện	- Trườn kết	- Bật xa (35- 40		

	5	nhANH, mẠNH, KHÉO TRONG THỰC HIỆN BÀI TẬP TỔNG HỢP: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m). - Bò vòng qua 5-6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu.	hỢP TRÈO QUẢ GHẾ DÀI 1,5m x 30 - Ném trúng đích bằng 2 tay	cm; 40-50cm) - Bật tách, khép chân qua (5 ô, 7 ô) - Bật nhảy từ trên cao xuống (30-35 cm; 40-45 cm) - Bật qua vật cản cao (10 - 15 cm; 15 – 20 cm)., - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Chuyên bắt bóng qua đầu, qua chân. - Ném xa, chạy nhanh - Bật xa, ném xa - Bật xa, ném xa, chạy nhanh		
11		Trẻ tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút			8,9	
12	4	Trẻ thực hiện được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập, mở, các ngón tay.	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nổi.... - Gập giấy.		1,2,3,4,6	
13	5	Trẻ thực hiện được các vận động: - Uôn ngón tay, bàn tay;	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ nắn.			

		xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay.				
14	4	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng lắp ráp với 10-12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	- Tô, vẽ hình.	* 4+5 T: - Cài, cởi cúc - Xé, cắt (đường thẳng; đường vòng cung) - Xâu, buộc dây - Lắp (ghép hình, Lắp ráp)	5,7,8,9	
15	5	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình	- Đồ theo nét. - Kéo khóa (Phéc mơ tuya)			

		vẽ. - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. - Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (Phéc mơ tuya)				
--	--	--	--	--	--	--

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

16	4	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.		* Trẻ 4+5 T: - Nhận biết (một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng); theo 4 nhóm thực phẩm.)	5,6,7	
17	5	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...	- Phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm)			
18	4	Trẻ biết nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.		1,8,9	
19		biến đơn	- Làm quen với			

	5	giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.			
20	4	Trẻ biết ăn đồ ăn lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.		* 4+5T: - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	3,4	
21	5	Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.				
22	4	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh		* 4+5 T: - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. + Tập đánh răng, lau mặt. + Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt. + Rèn luyện thao	4,5,6,7	

		răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.		tác rửa tay bằng xà phòng. + Tập luyện kỹ năng: rửa tay bằng xà phòng.	, 8	
23		Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.				
24	5	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch. - Trẻ biết rửa tay bằng xà phòng, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn;	- Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.			
25	5	- Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo			5,7,8,9	
26	4	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi		* 4+5T: - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.		

		ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã.			2,3,4,5,6,7	
27	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường				
28	4	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra	.	* 4,5T: - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.	2,5,7,8	

		nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định.		- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, và cách phòng tránh.		
29	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ: Đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Che miệng khi ho, hắt hơi.	- Sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết - Nguyên nhân dẫn đến ốm			

		- Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.				
30		Trẻ biết hút thuốc lá có hại và không lại gần người đang hút thuốc			8	
31	4	Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm không đến gần. biết không nên nghịch các vật sắc nhọn.			1,2,5,8	
32	5	Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.		* 4+5T: - Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn đến tính mạng. - Nhận biết và phòng tránh những vận dụng nguy hiểm đến tính mạng		
33		Trẻ nhận ra				

	4	những nơi như: Hồ, ao, nương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.			8	
34	5	Trẻ biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.				
35	4	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi		* 4+5T: - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng.	3,5,8	

		không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.				
36	5	Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc... - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết: ăn thức ăn có mùi hôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.				
37	4	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được		* 4+5T: - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ		

		nhắc nhở: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy có người rơi xuống nước, ngã, chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.			2,3	
38	5	Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ. Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... Biết tránh một số trường hợp không an toàn.:				

		+ Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.				
39		Trẻ thực hiện đúng một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè: đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo	Một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn		1,2,5,7,8	
					2,4,5	

		trèo cây, ban công, tường rào...				
40		Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng	Tập luyện kỹ năng: Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng			2
41	4	- Trẻ có kỹ năng ứng phó phù hợp trước, trong và sau thiên tai;	4-5 t: Kỹ năng ứng phó với thiên tai			3,8
42	5					

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

43		Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- So sánh sự giống và khác nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại 1-2 dấu hiệu. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người	* 4+5 T: - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Một vài đặc điểm, tích chất, của đất, đá, cát, sỏi. - Ích lợi của nước và đời sống con người, con vật, cây. - Ứng phó với thiên tai xảy ra	2,4,5,6,7,9	
44	4	Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt con người. - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.		1,2,4,5,6,8	

		lá cây bị ướt?....		- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật		
45		Có thể làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.		- Sự khác nhau giữa ngày và đêm - So sánh sự giống và khác nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Một số đặc điểm tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.	5,6,8	
46		Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.		- Không khí các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.	8,9	
47		Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.		- Nguyên nhân, hậu quả của biến đổi khí hậu, thiên tai	7,8,9	
48		- Trẻ nhận biết biểu hiện, nguyên nhân và một số hậu quả cơ bản của thiên tai thường xảy ra ở địa			1->9	

		phương.				
49		- Trẻ biết cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai				
50	5	Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dung, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu - Đặc điểm ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Sự khác nhau giữa mặt trời,		2,4,5,6,7,9	
51		Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?..			4,6,8	
52		Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử			5,6,8	

		nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	mặt trăng.			
53		Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.			8,9	
54		Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau giống nhau của các đối tượng được quan sát			7,8,9	
55		- Trẻ hiểu ý nghĩa một số tên gọi đặc biệt của thiên tai, giải thích được nguyên nhân và một số hậu quả cơ bản của biến đổi khí hậu, thiên tai thường xảy ra ở địa			1->9	

		phương				
56		- Trẻ biết cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai và hiểu tại sao cần làm như vậy				
57	4	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.		* 4+5 T: - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo (1 - 2 dấu hiệu; 2 - 3 dấu hiệu)	3,5,6	
58	5	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	.	- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo (1 - 2 dấu hiệu; 2 - 3 dấu hiệu)		
59	4	Trẻ có thể nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”.		* 4+5 T: - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.	7,8	
60	5	Trẻ có thể nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt				

		nước do nước nóng bốc hơi”.				
61	4	Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.		* 4+5T: - Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục khác.	1,2,3,4,5,6	
62	5	Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.				
63	4	Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...			7,8,9	
64	5	Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...				

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

65	4	Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi:		* 4+5T: - Đếm (trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng; Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả	3,4,5,6	
----	---	---	--	--	---------	--

		bao nhiêu? là số mấy?...		năng)		
66		Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.				
67		Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.				
68	5	Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...			3,4,5,6,9	
69		Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.			3,4,6	
70		Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các			9	

		cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.				
71	4	Trẻ có thể sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.		* 4+5T: - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi (5; 10)	4,5,6,9	
72	5	Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.				
73	4	Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.		* 4+5T: - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	4,5,6,9	
74		Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.			4,5,6,9	
75	5	Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.		4,5,6,9	
76		Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm				

		vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.				
77	4	Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.		*4+ 5T: - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (Số nhà, biển số xe..)	3,4,5,6 ,7,8,9	
78	5	Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.				
79	4	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi	* 4+5 T: - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.	1,3	
80	5	Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- Tạo ra quy tắc sắp xếp - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.			
81		Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.				
82		Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp				
83	4	Trẻ có thể sử dụng được		* 4+5T: (Đo độ dài một vật bằng		

		dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.		một đơn vị đo. Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau.) - (Đo dung tích bằng một đơn vị đo. Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.)	5,8	
84	5	Trẻ có thể sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo			
85	4	Trẻ có thể chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)		* 4+5T: - (So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật. - Tạo ra một số hình học phẳng bằng các cách khác nhau) - Chắp ghép các hình học để tạo thành hình mới theo ý thích và theo yêu cầu	1,4,7	
86		Trẻ có thể sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản				
87	5	Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối đó trong thực tế			
88	4	Trẻ biết sử dụng lời nói		* 4+5t: - Xác định vị trí		

		và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.		của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phía trái).	2,4,6	
89	5	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật làm chuẩn.		- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.		
90	4	Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.		* 4+5t: - Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối. - Nhận biết hôm nay, hôm qua, ngày mai.	8	
91	5	Trẻ biết gọi đúng tên các ngày trong tuần, các mùa trong năm.	- Gọi tên các ngày trong tuần			

C. Khám phá xã hội

92	4	Trẻ biết nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.		* Trẻ 4,5T: - Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích (bản thân; bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình)	2,3	
93	5	Trẻ biết nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi				

		được hỏi, trò chuyện.				
94	4	Trẻ biết nói họ, tên và công việc của bố, mẹ các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình.		3	
95		Trẻ có thể nói địa chỉ của gia đình (Số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi trò chuyện.				
96	5	Trẻ biết nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình.			
97		Trẻ có thể nói địa chỉ gia đình mình (Số nhà, đường phố/thôn, xóm), số				

		điện thoại (nếu có)...khi được hỏi trò chuyện.				
98	4	Trẻ biết nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên địa chỉ của trường, lớp. tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.		1,2	
99		Trẻ biết nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.			
100		Trẻ biết nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.				
101	5	Trẻ có thể nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường. - Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.			
102		Trẻ biết nói tên, công việc của cô giáo và các bác công				

		nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.				
103		Trẻ biết họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp, khi được hỏi, trò chuyện.				
104	4	Trẻ biết kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.		* Trẻ 4+5T: - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương	4	
105	5	Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. ví dụ: nói "nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới..."				
106	4	Trẻ có thể kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.		* 4+5T: - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.	1,3,5,9	
107		Trẻ có thể kể tên và nêu một vài đặc điểm của			9	

		cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.				
108	5	Trẻ có thể kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. ví dụ nói: "Ngày quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...".			1,3,5,9	
109		Trẻ có thể kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.			9	

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

110	4	Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.		* Trẻ 4+5T: - Hiểu và làm theo được (2, 3 yêu cầu; 2, 3 yêu cầu liên tiếp)	5,7	
111	5	Trẻ thực hiện được các yêu				

		cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.				
112	4	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ....., Biến đổi khí hậu (Lũ lụt, sạt lở,...)	Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.		3,5,7,8	
113	5	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,..). biến đổi khí hậu, giải thích nguyên nhân, diễn biến của biến đổi khí hậu theo mối liên hệ đơn giản.	Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa		1,3,5,6,7,8,9	
114	4	Trẻ lắng		*4+5T:		

		nghe và trao đổi với người đối thoại.		- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.		
115	5	Trẻ lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.		- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	1,2 4,6,7,9	
116	4	Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	Phát âm các tiếng có chứa các âm khó		8,9	
117	5	Trẻ có thể kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu			
118	4	Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?.		7	
119	5	Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh.	Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?.			
120	4	Trẻ biết sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.		*4+5T: - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức	8	
121	5	Trẻ dùng				

		được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,..				
122	4	Trẻ có thể kể lại sự việc theo trình tự.	Kể lại sự việc có nhiều tình tiết		7,8,9	
123	5	Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.	Kể lại sự việc theo trình tự.			
124	4	Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao		*4+5T: - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè	1->9	
125	5	Trẻ đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao...				
126	4	Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc		* 4+5T: (Kể lại truyện đã được nghe; Kể lại chuyện đã được nghe theo trình tự)	3,5,7,8,9	
127	5	Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện				
128	4	Trẻ biết bắt		* 4+5T:		

		chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện		- Đóng kịch	8,9	
129	5	Đóng được vai của nhân vật trong truyện				
130	4	Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép		1->9	
131	5	Trẻ biết sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi. xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng			
132	4	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở		*4+5T: - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp	1,2,3,4,6	
133	5	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.				
134	4	Trẻ biết chọn sách để xem.		*4+5T: - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau	2,3,4,5,8	
135	5	Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem				

136	4	Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh		9	
137	5	Trẻ biết kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh			
138	4	Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).		*4+5T: - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách - Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách.	7,9	
139	5	Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.				
140	4	Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...		* 4+ 5 tuổi: - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ)	5,7	
141	5	Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi				

		nguy hiểm, lỗi ra - vào, cắm lửa, biển báo giao thông...				
142	4	Trẻ biết sử dụng kí hiệu đề “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,..		*4+5 tuổi: - Tập tô, tập đồ các nét chữ	1->9	
143	5	Trẻ nhận dạng chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt	- Nhận dạng được các chữ cái.			
144		Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình	- Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình			

4. Lĩnh vực phát triển tình cảm- kỹ năng xã hội

145	4	Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ	- Tên, tuổi, giới tính		2,3	
146	5	Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà, hoặc số điện thoại	- Tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.			
147	4	Trẻ nói được điều bé thích, bé không thích, những việc gì bé có		*4+5T: - Sở thích, khả năng của bản thân	2	

		thể làm được				
148	5	Trẻ nói được điều bé thích, bé không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được				
149	5	Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (Dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng của bản thân)	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác		2	
150		Trẻ biết mình là con, cháu, anh, chị, em trong gia đình	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.		1,3	
151	5	Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố, mẹ, cô giáo những công việc vừa sức			1,3,4,5	
152	4	Trẻ tự chọn trò chơi, đồ chơi theo ý thích		* 4+5 tuổi: - Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi...) - Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến	4,5	
153	5	Trẻ tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (Vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi)				

154	4	Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (Trực nhật, dọn đồ chơi)		* 4+5 tuổi: Chủ động và độc lập trong một số hoạt động	5,7	
155	5	Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao				
156		Trẻ mạnh dạn nói ý kiến của bản thân	- Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến		5,7,8	
157	4	Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh		* Trẻ 4+5 tuổi: - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.	2	
158	5	Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.				
159	4	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi,	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ,			

		tức giận, ngạc nhiên.	giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.			
160	5	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.			
161		Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.		3	
162	4	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ		*4+5T: - Kính yêu Bác Hồ	9	
163	5	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)				
164	4	Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.				
165	5	Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát,				

		đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.				
166	4	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.		*4+5T: - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	9	
167	5	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.				
168	4	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ		*4+5T: - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).	1,3,4,5 ,6,7	
169	5	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định,				

		không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.				
170	4	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.		* 4+5 T: - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép, lịch sự.	1,3,4,5 ,6,7	
171		Chú ý nghe khi cô, bạn nói.				
172	5	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép			1,2	
173		Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.			3,4,7	
174		Trẻ biết không nói tục chửi bậy			1,2,3,4 ,5,6	
175	4	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	- Chờ đến lượt, hợp tác.		5,6	
176	5	Trẻ biết chờ đến lượt	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.			
177	4	Trẻ biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động		* 4+5T: - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.	2, 4,7	

		chung (chơi, trực nhật...).				
178	5	Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.				
179		Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”		5,6	
180	4	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Phân biệt hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.	*4+5T: - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối - Bảo vệ môi trường	5,6	
181		Không bẻ cành, vặt hoa			5,8	
182	5	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.			1,5,6	
183		Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).			5,8	
184	4	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi		*4+5T: - Giữ gìn vệ sinh	1->9	

		quy định		môi trường		
185	5	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định				
186	4	Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng		*4+ 5T: - Tiết kiệm điện, nước	1,8	
187	5	Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn				
188	4	- Trẻ biết quan tâm, cảm thông, chia sẻ với mọi người trong hoàn cảnh thiên tai		* 4,5T: Chia sẻ, cảm thông với các bạn nhỏ vùng thiên tai	2,8	
189	5					

5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ

190	4	Trẻ biết vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong			
-----	---	--	--	--	--	--

		nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.		1->9	
191		Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.				
192	5	Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật			
193		Trẻ thích thú, ngắm nhìn và				

		sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.				
194	4	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ; đồng dao; ca dao; tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.		* 4+5t: - (Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển).	1->9	
195	5	Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ; đồng dao; ca dao; tục ngữ; thích nghe và	- Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.			

		kể câu chuyện.				
196	4	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ ...		* 4+ 5T: - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	1->9	
197	5	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...				
198	4	Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).		* Trẻ 4+5T: - Vận động nhịp nhàng theo (giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc; giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc)	1->9	
199	5	Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với	- Vận động nhịp nhàng theo			

		các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).				
200	4	Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.		1->9	
201	5	Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.			
202	4	Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.		2,3,4,5,6, 8	
203		Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.			3,8, 9	
204		Trẻ biết làm			1,5,9	

		lỗm, dồ bẹt, bề loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.				
205		Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.			7,9	
206	5	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.		3,4,5,6, 8	
207		Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối			3,9	
208		Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối			1,5,9	
209		Trẻ biết phối			9	

		hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối				
210	4	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.		*4+5 T: - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét, bố cục	7,9	
211	5	Trẻ biết nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét				
212	4	Biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc		4,5,6	
213	5	Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).			

214	4	Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát	* 4+5T: - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu	7,8	
215	5	Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn				
216		Trẻ đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát	- Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một		8,9	
217	4	Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.		* 4+5T: - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình	3->9	
218	5	Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.				
219	4	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình		* 4+5T: - Đặt tên cho sản phẩm của mình	3-> 9	
220	5	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình				

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian	ST	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số	Lễ /hội	Điều
-----------	----	--------	--------------	----	---------	------

(Tháng, từ ngày 29/08/2025 đến ngày 22/05/26)	T			tuần		chỉnh bổ sung
Rèn nề nếp					Khai giảng 05/09	
Từ 8/09/2025 đến 03/10/2025	1	Trường mầm non em yêu	- Bé và các bạn - Lớp mẫu giáo của bé - Trường MN em yêu - Đồ dùng, đồ chơi trong trường MN	1 1 1 1		
Từ 06/10/2025 đến 24/10/2025	2	Bản thân	- Tôi là ai - Cơ thể của tôi	1 2	- Tết trung thu 15/08 âm lịch tức ngày 6/10/2025	
Từ 27/10/2025 đến 21/11/2025	3	Gia đình của bé	- Gia đình của bé - Đồ dùng trong gia đình - Nhu cầu của gia đình	1 2 1	- Ngày nhà giáo việt nam 20/11	
Từ 24/11/2025 đến 26/12/2025	4	Một số nghề gần gũi	- Nghề giáo viên - Nghề sản xuất - Các nghề phổ biến quen thuộc	1 2 2	- Ngày 22/12 ngày thành lập QĐNDV N.	
Từ 29/12/2025 đến 23/01/2026	5	Con vật em yêu	- Con vật nuôi trong nhà bé - Con vật sống trong rừng - Con vật sống dưới nước - Một số con côn trùng	1 1 1 1	Nghỉ tết dương lịch 01/01/2025 Kết thúc học kì I ngày	
		Cây xanh	- Cây xanh và môi	1	Từ	

Từ 26/1/2026 đến 6/03/2026	6	quanh bé và ngày tết nguyên đán	trường sống - Hoa mùa xuân - Ngày tết bản em - Một số loại rau - Một số loại quả	1 1 1 1	16/02/2025->20/2 nghỉ tết nguyên đán. - Ngày quốc tế phụ nữ 8/3	
Từ ngày 09/03/2026 đến ngày 27/03/2026	7	Phương tiện và quy định giao thông	- Một số phương tiện giao thông đường bộ - Một số quy định giao thông - Một số phương tiện giao thông đường thủy, đường hàng không	1 1 1		
Từ ngày 30/03/2026 đến ngày 17/04/2026	8	Nước, các hiện tượng tự nhiên	- Nước - Các hiện tượng tự nhiên - Thời tiết và các mùa	1 1 1		
Từ ngày 20/04/2026 đến ngày 22/05/2026	9	Quê hương Bác Hồ - Trường tiểu học.	- Chà Nưa quê em - Trường tiểu học Chà nưa - Đồ dùng học tập của học sinh lớp 1 - Bác Hồ và các cháu thiếu nhi	1 1 1 1	- Nghỉ lễ giỗ tổ hùng vương 10/03 âm lịch(26/04 dương lịch) - Từ 27/4->29/4 ôn tập - 30/4 ngày giải phóng miền nam - Ngày 01/05	

					ngày quốc tế lao động. - Ngày 19/05 sinh nhật Bác Hồ.	
--	--	--	--	--	---	--

**KẾ HOẠCH CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG, GIÁO DỤC LỚP
MẪU GIÁO GHEP 3, 4, 5 TUỔI
NĂM HỌC 2025 - 2026**

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC:

TT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung		Chủ đề thực hiện
			Chung	Riêng	
1	3	Trẻ biết thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	* 3,4,5 tuổi: Hô hấp: gà gáy, còi tàu, thổi bóng bay... * 3,4 tuổi: + Lưng, bụng, lườn: - Quay sang trái, sang phải - Cúi về phía trước; (ngửa người ra sau). - Nghiêng người sang trái, sang phải.	*Tay: - Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên - Co và duỗi tay, bắt chéo hai tay trước ngực *Chân: - Bước lên phía trước, bước sang ngang, - Co duỗi chân.	

			+ Chân: - Ngồi xổm, đứng lên; Bật tại chỗ		1->9
2	4	Trẻ biết thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh		*Tay: - Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (Kết hợp vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay) - Co và duỗi tay, vỗ hai tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu) * Chân: - Nhún chân. - Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.	
3	5	Trẻ biết thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp		*Tay: - Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (Kết hợp vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân) - Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. * Lưng, bụng, lườn: - Ngửa người ra sau, kết hợp giơ tay lên cao, bước chân sang phải, sang trái - Quay sang trái sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái - Nghiêng người sang hai bên	

				* Chân: - Chân đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. - Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.	
4	3	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Biết đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Biết đi kiềng gót liên tục 3m.	* 4,5 tuổi:		
			- Đi khụy gối,	- Đi kiềng gót.	2
			- Đi trên dây	- Đi trong đường hẹp.	6
			- Đi trên vạch kẻ sàn		6
			- Nhảy lò cò (3m; 5m)		8
5	4	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Biết bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Biết đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.		- Đi trên ghế thể dục	7
				- Đi bằng gót chân	2
				- Đi lùi	3
6	5	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Biết đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,3m. - Biết không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Biết đứng một chân và giữ thăng bằng người trong 10 giây.		- Đi bằng mép ngoài bàn chân.	2
				- Đi trên ván kê dốc	8
				- Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát.	7
				- Đi nổi bàn chân tiến, lùi	3

7	3	Trẻ kiểm soát được vận động: - Biết đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.	* 3,4,5 tuổi: - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh;	- Chạy thay đổi hướng theo đường đích đặc	1
		- Biết chạy liên tục trong đường đích đặc (3 - 4 điểm đích đặc) không chệch ra ngoài.	- Đi thay đổi hướng đích đặc theo (vật chuẩn, hiệu lệnh)	- Đi thay đổi hướng theo đường đích đặc	5
8	4	Trẻ biết kiểm soát được vận động: - Biết đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích đặc).	- Chạy thay đổi hướng đích đặc theo (vật chuẩn, hiệu lệnh)		4
9	5	Trẻ kiểm soát được vận động: - Biết đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần)			5
10	3	Trẻ biết phối hợp tay-mắt trong vận động: Tung, bắt - Biết tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). - Biết tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).	* 4,5 tuổi	- Lăn bắt bóng với cô - Đập bắt bóng với cô. - Tung bắt bóng với cô - Chuyển bóng hai bên theo hàng ngang, hàng dọc	3 5 6 7
				- Đập và bắt bóng	2
11	4	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: Tung, bắt, ném, đập - Biết tung bắt bóng với người đối diện	- Tung bóng lên cao và bắt - Đập và bắt bóng tại chỗ		3
					2

		(cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Biết ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Biết tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	- Tung bắt, bóng với người đối diện 3m. - Ném, bóng với người đối diện 4m - Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân).		6
					7
12	5	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: Tung, bắt, ném, đập - Biết bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Biết ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1,5 m). - Trẻ biết đi, đập và bắt được bóng này 4-5 lần liên tiếp.		- Tung bắt bóng tại chỗ.	5
				- Đi và đập bắt bóng.	8
13	3	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài: chạy, ném, bò, trườn, bật, bước - Trẻ có thể chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. - Biết ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Biết bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài	* 3,4 tuổi: - Bò chui qua cổng		1
				- Bật về phía trước.	5
				- Bật tại chỗ	1
				- Chạy 15m theo hướng thẳng	9
				-Bò theo hướng hướng đích dắc.	4
				- Bò theo hướng thẳng	6
				- Bước lên, xuống bậc (cao 30cm).	9
				- Bò trong đường hẹp (3m x0,4m)	3
			* 4,5 tuổi:	Trườn về phía trước	9
14		Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo		- Trèo qua ghế dài 1,5 x 30 cm.	9

15	4	trong thực hiện bài tập tổng hợp: chạy, ném, bò, trườn, bật, nhảy - Biết chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. - Biết ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Biết bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	- Bật qua vật cản cao (10 - 15 cm; 15- 20cm)	- Bật liên tục về phía trước	6
			- Chạy (15m, 18m) trong khoảng 10 giây;		5
			Chạy chậm khoảng (60 - 80m; 100 - 120m)		9
			- Bò đích dắc (qua 5; 7 điểm).		8
			- Trèo lên, xuống (5; 7 giống thang).		4
			- Bò bằng bàn tay và bàn chân (3-4m; 4-5m)		5
	5	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: chạy, ném, bò, trườn, bật, nhảy - Biết chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Biết ném trúng đích ngang (xa 2m). - Biết bò vòng qua 5-6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu.	- Bò chui qua ống dài (1,2 x 0,6 m; 1,5m x 0,6m).		6
					3
				- Bật liên tục vào vòng	5
			- Ném trúng đích ngang xa 2m		9
			- Bật nhảy từ trên cao xuống (30-35 cm; 40-45cm)		9
			- Bật tách, khép chân qua (5 ô; 7 ô).	- Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm	7, 9
			- Ném xa bằng 2 tay.		4
			*3,4,5 tuổi:		
			- Trườn theo hướng thẳng		7
			- Bật xa (20 - 25cm; 35- 40 cm; 40 - 50cm)		4
			- Ném trúng đích đứng bằng 1 tay		3
			- Ném xa bằng 1 tay		2

16	3	Trẻ có thể thực hiện được các vận động: - Biết xoay tròn cổ tay. - Biết gập, đan ngón tay vào nhau		- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết.	2,3, 4, 5, 6, 7,8,9
17	4	Trẻ thực hiện được các vận động: - Biết cuộn - xoay tròn cổ tay. - Biết gập, mở, các ngón tay.		- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuột, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi.... - Gập giấy.	
18	5	Trẻ thực hiện được các vận động: - Biết uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Biết gập, mở lần lượt từng ngón tay.		- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ nắn.	
19	3	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động. - Trẻ vẽ được hình tròn theo mẫu. - Trẻ cắt thẳng được một đoạn 10cm. - Trẻ xếp chồng 8-10 khối không đồ. - Trẻ tự cài, cởi cúc.	3,4,5 tuổi: - Cài, cởi cúc * 4,5 tuổi: - Xâu, buộc dây. - Xé, cắt đường thẳng; đường vòng cung.	- Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé dán giấy. - Sử dụng kéo, bút. - Tô vẽ nguệch ngoạc.	1->9
20	4	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: - Biết vẽ hình người, nhà, cây. - Biết cắt thành thạo theo đường thẳng. - Biết xây dựng lắp ráp với 10-12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Biết tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.		- Lắp ghép hình. - Tô, vẽ hình - Xây dựng lắp ráp với 10-12 khối.	

21	5	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: - Biết vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Trẻ cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Biết xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. - Biết ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Biết tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (Phéc mơ tuya)		- Lắp ráp. - Tô, đồ theo nét. - Kéo khóa (Phéc mơ tuya), luồn dây. - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu.	
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe					
22	3	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi Cân nặng: + Bé trai: 12,7 – 21,2 kg + Bé gái: 12,3-21,5 kg Chiều cao: + Bé trai: 94,9-111,7cm + Bé gái : 94,1-111,3 cm	* 3+4+5 tuổi - Nhận biết được các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).		1,4,9
23	4	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi Cân nặng: + Bé trai: 14,1 – 24,2 kg + Bé gái: 13,7 – 24,9 Kg			

		Chiều cao: + Bé trai: 100,7- 119,2cm + Bé gái : 99,9 - 118,9 cm			
24	5	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi Cân nặng: + Bé trai: 15,9 – 27,1 kg + Bé gái: 15,3 – 27,8 Kg Chiều cao: + Bé trai:106,1-125,8 cm + Bé gái :104, - 125,4 cm			
25	3	Trẻ biết nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).		- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.	2
26	4	Biết một số thực phẩm cùng nhóm - Biết thịt, cá...có nhiều chất đạm. - Biết rau, quả chín có nhiều vitamin.		- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng)	
27	5	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Biết thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Biết thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...		- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.	3
28	3	Trẻ biết tên một số		- Một số món ăn	

		món ăn hằng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...		hằng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	
29	4	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...		- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.	2
30	5	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...		- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	
31	3	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	* 3,4,5 tuổi: - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.		2, 3
32	4	Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- <i>Giữ gìn, sử dụng tiết kiệm, các loại thực phẩm tránh ôi thiu...</i>		
33	5	Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khoẻ mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt để béo phì không có lợi cho sức khỏe.	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).		2,3
			- Nhu cầu của bản thân và sử dụng đồ dùng, nguyên liệu, thực phẩm vừa đủ, tránh lãng phí.		
34	3	Trẻ thực hiện được một số việc đơn	* 4,5 tuổi: - Đi vệ sinh đúng	- Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn,	

		giảm với sự giúp đỡ của người lớn: - Trẻ biết rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Trẻ biết tháo tất, cởi quần, áo....	nơi quy định. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn (và để vào nơi quy định) <i>KN hài hòa với môi trường tự nhiên</i> - <i>KN tự phục vụ: Giữ gìn, sử dụng tiết kiệm các đồ dùng sinh hoạt hằng ngày (quần áo, giấy dếp, bánh xà phòng, khăn mặt...)</i>	ngủ, vệ sinh. - Biết tháo tất, cởi quần, áo...	2, 3
35	4	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Biết tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Biết tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	<i>Giữ gìn, sử dụng tiết kiệm các đồ dùng sinh hoạt hằng ngày (quần áo, giấy dếp, bánh xà phòng, khăn mặt...)</i> * 3,4 tuổi: - Làm quen với cách (tập) đánh răng, lau mặt. - Tập (rèn luyện thao tác) rửa tay bằng xà phòng.		
36	5	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: - Biết rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng. - Biết tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Biết đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong giội/ giặt nước cho sạch.		- Tập luyện kỹ năng tự phục vụ cá nhân: Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng * <i>KN tự phục vụ: Chải đầu, buộc tóc, rửa tay đi vệ sinh...</i> - Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	
37	3	Biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.		Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách: * <i>KN tự phục vụ: Biết tự cầm thìa xúc cơm ăn, cất bát thìa sau khi ăn</i>	3
38	4	Biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- <i>Trẻ giúp cô kê bàn ăn, tự cất bát thìa sau khi ăn</i> - <i>KN tự phục vụ: Kê bàn, không làm rơi vãi thức ăn, lấy ghế...</i>	Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	
39	5	Biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo		Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo:	
40	3	Trẻ có một số hành	* 3,4,5 tuổi:		

		vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. <i>KN bảo vệ sức khỏe:</i> - <i>KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: Không đùa nghịch khi ăn, không uống nước lã, ăn uống đúng giờ, đủ chất...</i> * 4,5 tuổi: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, (nhai kỹ). - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, (ăn quà vặt ngoài đường).		
41	4	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Biết mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Biết chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Biết không uống nước lã.		- Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau...	1, 2
42	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen trong ăn uống: - Biết mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Biết không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Biết không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.		- Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.	1, 2
43	3	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Biết chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất	* 3,4,5 tuổi: - <i>Bảo vệ chăm sóc sức khỏe bản thân. Chăm sóc mắt, mũi, tai, miệng.</i> Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh		2

		khí trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	môi trường đối với sức khỏe con người. - <i>Tự chuẩn bị, lựa chọn đồ dùng cá nhân để đến trường: ba lô, quần áo, giày dép...; để tham gia các hoạt động tham quan: Tham quan trường tiểu học...</i>		9
			- <i>KN tự phục vụ: Tự lựa chọn và sử dụng trang phục, giày dép, mũ) phù hợp với thời tiết</i>		8
44	4	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Biết vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, (nguyên nhân) và cách phòng tránh (đơn giản)		2
			- Vệ sinh răng miệng (Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy), đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.		8
45	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Biết vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Biết ra nắng đội mũ; Đi tất, mặc áo	- Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu (hoặc sốt)... - <i>Nói với người lớn khi cơ thể không khỏe</i> - <i>Biết bảo vệ các bộ phận trên cơ thể (bảo vệ đôi mắt, bảo vệ tai, mũi, làn</i>	- Che miệng khi ho, hắt hơi.	2

		ảm khi trời lạnh. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Biết che miệng khi ho, hắt hơi. - Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Biết bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.	<i>da...)</i> - <i>KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: Nhận biết 1 số biểu hiện khi ốm, xử lý khi bị thương nhẹ...</i>			8
			- Bảo vệ sức khỏe, an toàn khi có thời tiết thay đổi hay hiện tượng thời tiết bất thường.			
			* 4,5 tuổi: - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.			
			- Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định; (không nhổ bậy ra lớp). <i>KN sống hài hòa với môi trường tự nhiên.</i> - <i>Sử dụng các vật liệu tự nhiên/ tái chế phân loại rác thải</i>			2
46	3	Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở	* 3,4,5 tuổi: - <i>Ứng phó và phòng tránh khi có đám cháy/ gặp nạn</i> những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng			3
47	4	Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn. không nên nghịch.	- <i>KN sử dụng đồ dùng an toàn: KN nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm</i>			4

			- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. (không nghịch các vật sắc nhọn).		
48	5	Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.			4
49	3	- Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (Hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.	* 3,4,5 tuổi: <i>KN bảo vệ sức khỏe, an toàn:</i> - Nhận biết các tình huống và phòng tránh những nơi nguy hiểm không an toàn, nguy hiểm đến tính mạng như: ao, hồ, sông suối, sạt lở đất, lũ quét, cống, rãnh, trèo thang lên nhà sàn, công trình xây dựng, bể chứa nước, nương nước; bể chứa nước; bụi rậm, (và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần).		8
50	4	- Trẻ nhận ra những nơi như: Hồ, ao, nương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	- KN bảo vệ SK và AT: Phòng tránh đuối nước: Ao, suối		
51	5	- Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.	- KN bảo vệ SK và AT: Phòng tránh đuối nước: Ao, suối		
52	3	- Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Biết không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Biết không tự lấy thuốc uống.	* 3,4,5 tuổi: - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng như: Không cười đùa trong khi ăn, uống. <i>KN bảo vệ sức khỏe, an toàn:</i>		2 1

		- Biết không leo trèo bàn ghế, lan can. - Biết không nghịch các vật sắc nhọn. - Biết không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	- <i>Ứng phó khi bị mắc kẹt trong không gian kín (Phòng kho, lớp học...)</i>		
			- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng như: khi ăn các loại quả có hạt (dễ bị hóc sặc...) + Không tự ý uống thuốc.		6
				- Biết không leo trèo bàn ghế, lan can. - Biết không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. - Biết không nghịch các vật sắc nhọn.	1
53	4	Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Biết không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Biết không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Biết không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	* 4,5 tuổi:- không uống rượu bia, cà phê (hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe) khi không được phép của người lớn.	- Biết không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	1
			- không ăn thức ăn có mùi ôi; (dễ bị ngộ độc). - không ăn lá, quả lạ (dễ bị ngộ độc)		2
					6

54	5	Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc... - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.	- KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: <i>KN nhận biết thực phẩm ôi thiu, các chất kích thích, không tự ý uống thuốc</i>		2
55	4	Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	* 4,5 tuổi: - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ: <i>khi bị lạc, bị bắt cóc</i> - Gọi người lớn khi gặp (một số) trường hợp khẩn cấp: cháy <i>KN bảo vệ sức khỏe, an toàn:</i> - <i>Biết xử lí khi bị thương</i> - Khu vực an toàn/ nơi sơ tán gần trường học nhất. - <i>Nhận biết về nguồn lửa, nguồn nhiệt và 1 số vật dụng có thể gây cháy nổ: bếp ga, bếp củi, bình ga, bật lửa, bao diêm...</i> - <i>Ứng phó khi có đám cháy/gặp nạn:</i>		9 3 3 3 3

			Nằm áp sát xuống nền nhà cạnh chân tường/ hô to gọi người lớn cứu hoặc bò nhanh ra khỏi chỗ đám cháy... - Biết cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt và 1 số sự cố có thể gây cháy, nổ: Không được đến gần bếp nấu, không nghịch bật lửa, bao diêm... - Nhận biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy: Nghe thấy tiếng báo động thì trẻ chạy ra khỏi nơi đang ở.		4
			KN bảo vệ sức khỏe, an toàn: - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ khi cần thiết : Có người rơi xuống nước, ngã chảy máu...		8
				- Gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	3
			- Khu vực an toàn của trường học/ nơi		8

56	5	Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ. - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn.: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.	lánh nạn khi có thiên tai xảy ra. - <i>Thực hành một số tình huống có nguy cơ mất an toàn</i> - <i>KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: NB 1 số tình huống và cách xử lý khi bị lạc, bị bắt cóc, bị xâm hại...</i> + <i>KN nhận biết các nguồn nhiệt nguy hiểm và cách phòng tránh</i> + <i>KN xử lý khi gặp đám cháy</i> - <i>Nhận biết được nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy, nổ.</i> - <i>Biết phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt cháy nổ có thể xảy ra.</i> <i>Biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe báo cháy.</i>	- <i>Phòng tránh xâm hại:</i> + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.	3 1, 3 2 3 4, 7
57	5	Trẻ thực hiện đúng một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Biết sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Biết đi bộ trên hè: đi sang đường phải		- Không leo trèo cây, ban công, tường rào.. .- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn	1 1,7

		có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Biết không leo trèo cây, ban công, tường rào...		- Khi đi bộ trên hè: đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - <i>KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: Dạy trẻ cách xử lí khi bị mắc kẹt trong ô tô, phòng kho của trường/lớp...</i>	
58	5	- Trẻ biết tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.		- Tham gia hoạt động tích cực - Không có biểu hiện mệt mỏi như: ngáp, ngủ gật...	4

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức.

a) Khám phá khoa học.

59	3	Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	<i>* 3+4+5 tuổi:</i> <i>+ Ứng phó với sự thay đổi của thời tiết/môi trường</i> <i>- Đặt câu hỏi: Sự thay đổi của thời tiết/môi trường</i>	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.	8
60	4	- Biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: “Vì sao cây lại héo, vì sao lá cây bị ướn		- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa: mùa xuân: Đang nóng thì chuyển sang lạnh, nhiệt độ tăng giảm đột ngột và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người	8
61	5	- Trẻ thích tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về		- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa: mùa xuân: Đang nóng thì chuyển sang	8

		sự vật hiện tượng. " tại sao có mưa"		lạnh, nhiệt độ tăng giảm đột ngột và thứ tự các mùa	
				- Sự thay đổi trong sinh hoạt con người, con vật.	5
				- Sự thay đổi trong sinh hoạt con người, cây cối.	6
62	3	- Biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng; nhìn, nghe, ngửi, sờ...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.		- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể như <i>mắt, mũi, tai, miệng, làn da</i>	2
				- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng đồ chơi	1,3,9
				- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật.	5
63	4	- Biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng	* 4+ 5 tuổi: - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể * <i>KN bảo vệ sức khỏe và an toàn</i> - <i>Biết bảo vệ các bộ phận trên cơ thể</i> (<i>bảo vệ đôi mắt, tai, mũi, miệng, làn da</i>)	- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của cây, hoa, quả quen thuộc	6
					2

			<i>không khí bảo vệ môi trường</i>		
65	3	- Biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng VD: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi	* 3+ 4+ 5 tuổi - Quá trình phát triển của con vật; điều kiện sống của một số loại con vật. - <i>Yêu quý bảo vệ chăm sóc con vật thân thuộc</i>	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật gần gũi.	5
			- Quá trình phát triển của cây, điều kiện sống của một số loại cây + <i>Làm đất, gieo các loại hạt đậu, ngô...</i> + <i>Trồng cây hoa ở góc thiên nhiên: tưới cho cây, không tưới cho cây...</i> - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, sỏi, cát: + Thí nghiệm vật chìm, vật nổi + Trứng nổi, trứng chìm - Pha nước chanh		6
			* 4+5 tuổi		8
			Một số đặc điểm, tính chất của nước		2
					8
66	4	- Biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: pha màu, đường, muối	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật		5
			- Cách chăm sóc và bảo vệ cây + Thực hành: Tạo		6

		và nước, dự đoán và quan sát, so sánh	màu cho cây cải thảo.		
67	5	- Biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. VD: Thử nghiệm gieo hạt, trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	- Trẻ thực hành trải nghiệm làm một số thí nghiệm đơn giản như: <i>Nước đổi màu, Sữa ma thuật, đổi màu của nước</i> - Tạo đèn giao thông hóa học		8 7
68	3	- Biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau, có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng		- Mỗi liên hệ đơn giản giữa con vật quen thuộc với môi trường sống của chúng.	5
				- Mỗi liên hệ đơn giản giữa cây cối với môi trường sống.	6
				- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.	8
69	4	- Biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện	* 4+5 tuổi: - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây với môi trường sống - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống - Yêu quý bảo vệ cảnh quan thiên	- Quan sát, thảo luận các loại, cây, hoa quả, - Quan sát, thảo luận các con vật - Quan sát, thảo luận các sự vật	6 5

			<i>nhiên</i>	hiện tượng, thời tiết các mùa	8
70	5	- Biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận		- Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận về đối tượng như: cây cối hoa, quả. - Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận về con vật quen thuộc.	6 5
71	3	- Biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật	* 4, 5 tuổi - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 , (2-3) dấu hiệu	- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc;	7
72	4	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo 1 hoặc 2 dấu hiệu	+ Một số đồ dùng, đồ chơi của lớp	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi	1,3,9 1
73	5	- Biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau	+ Phân loại Một số đồ dùng, phương tiện trong gia đình + Phân loại động vật + Phân biệt một số loại cây, một số loại quả + Đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông + Phân biệt một số PTGT		3 5 6 7

			<i>3+4+5 tuổi: Nhận biết một số luật giao thông đơn giản và tham gia giao thông đúng luật như: Đội mũ bảo hiểm khi ngồi xe máy, đi bên tà ni dương...</i>		
74	3	- Biết nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi		- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật quen thuộc với môi trường sống của chúng.	5
				- Mối liên hệ đơn giản giữa cây với môi trường sống.	6
				Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm	8
75	4	- Biết nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn”.	* 4+5 tuổi: - Các nguồn nước trong môi trường sống - Đặc điểm, tính chất của nước - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.	Sự khác nhau giữa ngày và đêm	8
76	5	- Biết nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng. VD: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống người, con vật		5
			- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cây cối.		6

			* 3+4+5 tuổi - Ích lợi của nước đối với con vật - Ích lợi của nước đối với cây cối - Ích lợi của nước đối với đời sống con người. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi - Ích lợi của thực vật đối với phòng chống thiên tai: giữ nước chống sạt lở đất, điều hòa không khí bảo vệ môi trường - Pha nước chanh	Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng	5 6 8 2
77	4	- Biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn	* 4+5 tuổi - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật với MT sống. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây với MT sống.		5 6
78	5	- Biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật		5 6
79	3	- Biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo	* 3, 4, 5 tuổi: - Một vài đặc điểm tính chất tính của đất đá, cát, sỏi	- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày.	8
			* 4,5 tuổi: - Không khí các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật gần gũi:	5

			- Không khí các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cây.	- Cách chăm sóc cây: Hoạt động chơi ngoài trời, góc thiên nhiên (gieo hạt, tưới cây, lau lá...)	6
80	4	- Biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát		- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 1- 2 đồ dùng, đồ chơi.	1,3,9
				- So sánh, phân loại phương tiện giao thông theo 1- 2 dấu hiệu.	7
				- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật	5
				- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 cây, hoa, quả.	6
81	5	- Biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát		- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2- 3 đồ dùng, đồ chơi.	1,3,9
				- So sánh sự khác và giống nhau của một số con vật	5
				- So sánh sự khác và giống nhau của một số cây, hoa, quả.	6
				- So sánh, phân loại phương tiện giao thông theo 2-3 dấu hiệu.	7
82	3	Trẻ thể hiện một điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Chơi các góc, nhóm chơi như: Âm nhạc, tạo hình, trò chơi đóng vai, gia đình, bác sỹ xây dựng...		1->9
83	4	Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động			

		chơi, âm nhạc và tạo hình			
84	5	Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...			
85	3	Trẻ nhận biết, gọi tên các loại thiên tai thường xảy ra ở địa phương. Ứng xử đơn giản khi có hiện tai	* 3,4,5 tuổi: - <i>Động đất ra chỗ đất chống...; Sấm sét tránh xa đường dây điện, cây to, các vật dụng kim loại...</i>		8
86	4	Trẻ nhận biết các loại thiên tai thường xảy ra ở Việt Nam. Ứng xử đơn giản khi có hiện tai	- <i>Dấu hiệu đặc trưng của từng loại thiên tai:</i> + <i>Sạt lở: Đất đá trên các sườn dốc của đồi núi trượt từ trên xuống.</i>		
87	5	Trẻ nhận biết tên gọi các loại thiên tai, hiểu ý nghĩa một số tên gọi đặc biệt của thiên tai do con người đặt ra. cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai và hiểu tại sao cần làm như vậy.	+ <i>Lũ: là hiện tượng mực nước và tốc độ của dòng chảy trên sông, suối vượt qua mức bình thường.</i> + <i>Mưa đá: mưa kèm theo những viên nước đá có hình dạng và kích thước khác nhau rơi xuống đất...</i> * <i>KN bảo vệ sức khỏe và an toàn</i> - <i>Ứng phó khi gặp mưa gió bão</i> - <i>KN bảo vệ sức khỏe và an toàn:</i> <i>HD trẻ 1 số KN khi gặp mưa, gió bão...</i>		

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.					
88	3	- Biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng	.	- Đếm số lượng và hỏi về số lượng, biểu thị số lượng bằng ngón tay	3
89	4	- Biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi “Bao nhiêu?”; “Là số mấy?”...	* 4,5 tuổi: - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe ...)		3, 7
90	5	- Biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm hỏi "Bao nhiêu?". "Đây là mấy?"	-		
91	3	- Biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5		Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.	1,3,4
92	4	- Biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.		- Đếm, so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 6,7,8,9,10 và đếm theo khả năng.	1,3,4 5->8
93	5	- Biết đếm trên đối tượng phạm vi 10 và đếm theo khả năng	* 4+5 tuổi Đếm trên (trong) đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng		1->8
				Ôn so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 1,2,3,4,5 nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. - So sánh số lượng 2-3 nhóm đối tượng trong phạm vi 6,7,8,9,10 nói	1,3,4 5->8

				được kết quả bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất	
94	3	- Biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	*3+4 tuổi: - Xếp tương ứng 1 - 1; ghép đôi	- Nhận biết một và nhiều	1
			* 3,4,5 tuổi: - So sánh số lượng 2 nhóm đt phạm vi (5-10) bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn; (ít nhất)	- So sánh số lượng (hai – ba) nhóm đối tượng trong phạm vi 5 nói được từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	3,4
95	4	- Biết so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn		Ôn so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 1,2,3,4,5 - So sánh số lượng 2 -3 nhóm đối tượng trong phạm vi 6,7,8,9,10 nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	1,3,4 5->8
96	5	- Biết so sánh số lượng ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất		Ôn so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 1,2,3,4,5 nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn - So sánh số lượng 2-3 nhóm đối tượng trong phạm vi 6,7,8,9,10 nói được kết quả bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan	1,3,4 5->8 1->8
97	4	- Biết sử dụng các	* 4-5 tuổi: Chữ số,	Chữ số, số lượng	1->4

		số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	số lượng và số thứ tự trong phạm vi (5,10)	và số thứ tự trong 1,2,3,4,5	
98	5	- Nhận biết các số từ số 5 - số 10 và sử dụng các số đó để chỉ SL, số thứ tự		- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. + Ôn nhóm số lượng 1- 5, chữ số 1-5 + Nhận biết chữ số và STT 6, 7, 8, 9, 10	1->8 1,3,4 5->8
99	3	- Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong pvi 5	* 3,4 tuổi: - Gộp 2 nhóm có đối tượng và đếm	Gộp và đếm 2 nhóm đối tượng phạm vi 4,5	3,4
100	4	- Biết gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong pvi 5, đếm và nói kết quả		Gộp và đếm 2 nhóm đối tượng phạm vi 4,5 nói kết quả	3,4
101	5	- Biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm		- Ôn Gộp và đếm 2 nhóm đối tượng phạm vi 4,5 nói kết quả - Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm PV 6,7,8,9,10	3,4, 5,6,7,8
102	3	- Biết tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm	* 3, 4 tuổi: - Tách 1 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ trong phạm vi 4,5		3,4
103	4	- Biết tách 1 nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn			
104	5	- Biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách 4 khác nhau.		- Ôn tách 1 nhóm đối tượng phạm vi 4,5 - Tách 1 nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau PV 6,7,8,9,10	3,4 5,6,7,8

105	4	- Biết nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày	* 4+5 tuổi: - Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số nhà, biển số xe...)		3, 7
106	5	- Biết nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày			
107	3	- Biết nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại	* 4+5T: - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.	- Xếp xen kẽ	7
108	4	- Biết nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại			
109	5	- Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu - Nhận ra được qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại - Biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp		Tạo ra quy tắc sắp xếp	
110	3	- Biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn, nhỏ hơn, dài hơn, ngắn hơn, cao hơn, thấp hơn, bằng nhau	* 4,5 tuổi: - So sánh chiều cao của 3 đối tượng	- So sánh 2 đối tượng về kích thước + So sánh chiều dài của 2 đối tượng + So sánh chiều cao của 2 đối tượng	4
					6
111	4	- Biết sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh		- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng 1 đơn vị đo	4 8

112	5	- Biết sử dụng được một số công cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả		Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau	4
				- Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	7
				- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo	8
113	3	- Biết nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật	* 4,5 tuổi: - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế - Sử dụng các hình học để chắp ghép	9 5
114	4	- Biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...) - Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản		- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật	5
115	5	- Biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật		- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế - Tạo ra một số hình hình học bằng cách khác nhau.	5
116	3	- Biết sử dụng lời	* 4,5 tuổi:	- Nhận biết phía	2

		nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước – phía sau; phía trên, dưới; phía phải – phía trái) so với bản thân trẻ	trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải – tay trái của bản thân	
117	4	- Biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác			
118	5	- Biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước – phía sau; phía trên, dưới; phía phải – phía trái) so với bạn khác .	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước – phía sau; phía trên, dưới; phía phải – phía trái) so với 1 vật nào đó làm chuẩn	3 9
119	4	- Biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự, thời gian trong ngày		- Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối. * <i>KN giải quyết vấn đề</i> - <i>Quản lý quỹ thời gian</i>	8
120	5	- Biết gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm - Biết nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ		- Nhận biết hôm qua, hôm nay và ngày mai. - Gọi tên các ngày trong tuần - Nói được lịch để làm gì - Nói được ngày trên lịch - Nói được giờ trên đồng hồ - <i>Biết quản lý quỹ thời gian trong ngày</i>	8

c) Khám phá xã hội					
121	3	- Biết nói tên tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, nói chuyện	* 4,5 tuổi: - Nhận biết bản thân như Họ tên, tuổi (ngày sinh), giới tính đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. - <i>Thể hiện khả năng sở trường của bản thân</i>	- <i>Tên, tuổi, giới tính của bản thân</i> - Trò chuyện những người yêu thương, chăm sóc bé	2
122	4	- Biết nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Vị trí của trẻ trong GD		3
123	5	- Biết nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện			
124	3	- Biết nói tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình	* 3,4,5 tuổi: - Địa chỉ gia đình * 4,5 tuổi: - Nhu cầu gia đình	- Tên của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình.	3
125	4	- Biết nói họ tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình		- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ.	
126	5	- Nói được tên tuổi, giới tính và công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình		- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn).	
127	3	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi trò chuyện, xem ảnh về gia đình	* 3+4+5 tuổi: - Nói được địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố, thôn, xóm); số	- Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi trò chuyện, xem ảnh về gia đình	3

128	4	Biết nói địa chỉ của gia đình (số nhà, đường phố, thôn, xóm) khi được hỏi trò chuyện	điện thoại (nếu có)... khi được hỏi trò chuyện - KN bảo vệ SK và AT: lên xuống cầu thang an toàn khi đi lên nhà sàn		
129	5	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố, thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi trò chuyện			
130	3	- Biết nói trên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện		- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo - Tên các bạn, đồ dùng đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường	1
131	4	- Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường / lớp khi được hỏi và trò chuyện		- Nói được tên và địa chỉ của trường / lớp khi được hỏi và trò chuyện	
132	5	- Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số địa điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện		- Nói được tên, địa chỉ và mô tả một số địa điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	
133	4	- Trẻ nói được tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi trò chuyện	* 4+5 tuổi: - Họ tên và đặc điểm của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường/ lớp		1
134	5	Trẻ nói được họ tên , đặc điểm của bạn ở trong lớp khi được hỏi, trò chuyện			
135	3	- Biết kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh	* 4,5 tuổi: - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền	Tên gọi, sản phẩm, ích lợi của một số nghề phổ biến	4
136	4	- Biết kể tên công			

		việc, công cụ, sản phẩm, ích lợi...của một số nghề khi khi được hỏi, trò chuyện	thống của địa phương - Dự án: Làm ngôi nhà		
137	5	- Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. VD: nói “Nghề nông làm lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới...”	- Một số nghề có vai trò, trách nhiệm tham gia vào công tác phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH: dự báo khí tượng thủy văn, phát thanh viên chương trình dự báo thời tiết, công nhân vệ sinh môi trường, cứu hộ cứu nạn, ...		4, 8
138	3	- Biết kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết Trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh	* 3,4,5 tuổi: - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. Kể tên một số ngày lễ:		9
139	4	- Trẻ biết kể tên và nói được đặc điểm của một số ngày lễ hội			
140	5	- Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. ví dụ nói: “Ngày quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”	- Ngày lễ hội, ngày quốc khánh 2/9; ngày khai giảng, tết trung thu; - Ngày hội, 20/10 - Tham gia các hoạt động ngày hội 20/11 - Ngày, 22/12 quân đội nhân dân Việt Nam, ngày lễ tết dân tộc - Tham gia các hoạt động ngày 22/12, ngày tết dương lịch - Ngày tết cổ		
					1 3 4 5

			truyền dân tộc Mông - Ngày hội mừng 8/3, ngày 26/3 ĐTN - Ngày Lễ 10/3 giỗ tổ Hùng Vương - Ngày Lễ, 30/4 - >1/5 ngày sinh nhật bác 19/5. - Biết một vài cảnh đẹp, danh lam thắng cảnh, đất nước, nơi tưởng niệm Bác. - Tham gia các hoạt động thăm quan bản làng... - Thể hiện mình thuộc dân tộc H mông quê hương mình		6 7 8 9
141	3	- Trẻ kể được tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương	*3+ 4+ 5 tuổi: - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh nam thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương đất nước		9
142	4	- Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp di tích lịch sử ở địa phương			
143	5	- Biết kể tên và nêu một vài nét đặc trung của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	+ Bác Hồ với các cháu thiếu nhi + Cờ tổ quốc		
144	3	Trẻ nhận biết và kể tên bằng tiếng việt: Trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, một số bộ phận cơ thể, màu sắc, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa , quả,			

		<i>con vật, PTGT, mùa hè...</i>			
145	4	<i>Trẻ nhận biết và kể tên bằng tiếng việt: Trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, hành động, bộ phận, các giác quan cơ thể; các thành viên trong gia đình; màu sắc, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa, quả, con vật, PTGT, mùa hè...</i>	<i>* 3, 4, 5 tuổi</i>		1
			<i>- Một số hình ảnh trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng.</i>		
			<i>Một số hình ảnh tên, một số bộ phận cơ thể</i>		
			<i>Một số hình ảnh nghề nghiệp quen thuộc,</i>		
			<i>Một số hình ảnh về hoa, quả,</i>		2
					4
					6
146	5	<i>Trẻ nhận biết, kể tên và so sánh bằng tiếng việt rõ ràng: Trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, bộ phận, các giác quan cơ thể; các thành viên trong gia đình; hành động, màu sắc, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa, quả, con vật, PTGT, mùa hè...</i>	<i>Một số hình ảnh con vật,</i>		5
			<i>Một số hình ảnh về PTGT,</i>		7
			<i>Một số hình ảnh mùa hè, hiện tượng tự nhiên.</i>		8
			<i>- Làm quen với tiếng việt:</i>		1
			<i>+ Các từ chỉ tên trường, lớp, đồ chơi, chào hỏi...</i>		
			<i>+ Các từ chỉ hành động, khuôn mặt, màu sắc, số đếm 1, 2, 3...</i>		2
			<i>+ Các từ chỉ các phòng trong nhà bé, cảm xúc của bé...</i>		2, 3
			<i>+ Các từ chỉ một số nghề gần gũi</i>		4
			<i>+ Các từ chỉ một số con vật quen thuộc</i>		5
			<i>+ Các từ chỉ một số loại hoa, quả...</i>		6
			<i>+ Các từ chỉ một</i>		7

			<i>số PTGT, biển báo GT...</i>		
			<i>+ Các từ chỉ thời tiết mùa hè, một số hoạt động trong mùa hè...</i>		8
			<i>+ Các từ chỉ một số địa danh ở Điện Biên...</i>		9
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ					
a) Nghe hiểu lời nói					
147	3	Biết thực hiện được yêu cầu đơn giản. Ví dụ: Cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ.		- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.	4
148	4	Biết thực hiện được 2- 3 yêu cầu liên tiếp. Ví dụ: "Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng".	* 4,5tuổi: - Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu (liên tiếp)		
149	5	Biết thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, VD: Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái H đứng sang bên trái			
150	3	Trẻ hiểu được nghĩa các từ khái quát gần gũi quần áo, đồ chơi, hoa quả...	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, (câu phức) - Nghe lời nói trong giao tiếp hàng ngày.	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	1->9
151	4	Biết hiểu từ khái quát: Rau quả, con vật, đồ gỗ...	- KN giao tiếp xã hội : Ứng xử phù hợp với người lớn	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.	

152	5	Biết hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...)	<i>trong giao tiếp</i> - <i>Hiểu ý nghĩa của từ biến đổi khí hậu, giải thích nguyên nhân, diễn biến của biến đổi khí hậu theo mối liên hệ đơn giản: Vì chặt phá rừng nên lũ lụt.</i>		
153	3	Biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	* 3,4,5 tuổi: - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.		1->9
154	4	Biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	- Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè, phù hợp với độ tuổi		
155	5	Biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại	* 4,5 tuổi: * <i>KN giao tiếp xã hội</i> - <i>Nghe chăm chú, đặt câu hỏi</i> - <i>Trình bày ý kiến cá nhân</i>		
b) Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày					
156	3	Biết nói rõ các tiếng. <i>Trẻ nói được từ, câu tiếng việt đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.</i>		Phát âm các tiếng của tiếng việt.	1->9
157	4	Biết nói rõ để người nghe có thể hiểu được. <i>Trẻ nói được tiếng việt khi người lớn yêu cầu.</i>		Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.	
158	5	Biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có		Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh	

		thể hiểu được <i>Trẻ nói được tiếng việt rõ ràng khi người lớn yêu cầu.</i>	<i>* 4+5 tuổi</i> - Nói tiếng việt tên chỉ trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, màu sắc - Nói tiếng việt từ chỉ tên, giới tính, một số bộ phận trên cơ thể, - Nói tiếng việt tên chỉ một số thành viên trong gia đình, hành động. - Nói tiếng việt tên chỉ nghề nghiệp quen thuộc. - Nói tiếng việt tên chỉ con vật. <i>Nói tiếng việt tên chỉ một số hoa, quả.</i> - Nói tiếng việt chỉ PTGT. - Nói tiếng việt tên chỉ mùa hè - Nói tiếng việt tên chỉ một số địa danh ở Điện Biên...	điều.	1 2 3 4 5 6 7 8 9
159	3	Biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...	<i>* 3,4 tuổi:</i> Trả lời và đặt các câu hỏi: “ Ai?”; “ Cái gì?”; “ Ở đâu?”; “ Khi nào?” (“Để làm gì”.)		1->9
160	4	Biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...			

161	5	Biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ... phù hợp với ngữ cảnh		- Trả lời câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: “Tại sao?”; “Có gì giống nhau?”; “Có gì khác nhau?”; “Do đâu mà có?” - Đặt các câu hỏi: “Tại sao?”; “Như thế nào?”; “Làm bằng gì?”	
162	3	Biết sử dụng được câu đơn, câu ghép.		- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng	1->9
163	4	Biết sử dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.		- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.	
164	5	Biết dùng câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh ...		Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.	
165	3	Biết kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Thăm ông bà, đi chơi, xem phim ...	* 3,4,5 tuổi: <i>Kể lại sự việc/sự kiện</i> hiện tượng (có nhiều tình tiết; theo trình tự).	Kể lại sự việc	1->9
166	4	Biết kể lại sự việc theo trình tự.		Kể lại sự việc có nhiều tình tiết	
167	5	Biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái ... của nhân vật.		Kể lại sự việc theo trình tự.	
168	3	Biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao ...	* 3,4,5 tuổi: Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.		1->9
169	4	Biết đọc thuộc bài			

		thơ, ca dao, đồng dao ...			
170	5	Biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao ...			
171	3	Biết kể lại chuyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.		- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.	
172	4	Biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc.		- Kể lại truyện đã được nghe.	8
173	5	Biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện ...trong nội dung truyện		- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.	
174	3	Biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.		Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên	
175	4	Biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	* 4,5 tuổi: - Đóng kịch		5
176	5	Biết đóng vai của nhân vật trong truyện.			
177	3	Biết sử dụng các từ: “Vâng ạ”; “Dạ”; “Thưa” ... trong giao tiếp.	* 3,4 tuổi: Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép, <i>biết ơn</i>		3
178	4	Biết sử dụng các từ như: “Mời cô”; “Mời bạn”; “Cảm ơn”, “Xin lỗi”... trong giao tiếp.			
179	5	Biết sử dụng các từ: “Cảm ơn”; “Xin lỗi”; “Xin phép”; “Thưa”; “Dạ”; “Vâng”...		Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ	3

		phù hợp với tình huống.		- Nét mặt phù hợp yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	2
180	3	Biết nói đủ nghe, không nói lí nhí.	* 3,4,5 tuổi: Nói và thể hiện cử chỉ điều bộ, nét mặt, phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. * <i>KN kiểm soát cảm xúc</i> <i>Thể hiện cảm xúc của bản thân phù hợp với hoàn cảnh, nhận biết cảm xúc của bản thân</i>		2
181	4	Biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.			
182	5	Biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.			
c) Làm quen với đọc- viết					
183	3	Biết đề nghị người khác đọc sách cho trẻ nghe, tự giở sách xem tranh.	* 3,4,5 tuổi: Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.	Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “ Đọc ” truyện. Giữ gìn sách. Tiếp xúc với chữ, sách truyện	9
184	4	Biết chọn sách để xem.			
185	5	Biết chọn sách để (đọc) và xem.			
186	3	Biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.		- Mô tả sự vật tranh ảnh có sự giúp đỡ.	8
187	4	Biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.		- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh	
188	5	Biết kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.		- Kể chuyện theo đồ vật theo tranh.	
189	4	Biết nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi	* 4,5 tuổi: Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc		7

		nguy hiểm...	sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)		
190	5	Biết nhận ra ký hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra- vào, cấm lửa, biển báo giao thông...			
191	4	Biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. (Đọc) sách theo tranh minh họa (đọc vệt)	* 4+5 tuổi: Phân biệt phần mở đầu kết thúc của sách. “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. Giữ gìn, bảo vệ sách		4
192	5	Biết cách (đọc sách) từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.			
193	3	Biết thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.	* 3,4,5 tuổi: Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt.		
194	4	Biết sử dụng ký hiệu để (viết): tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.	Nhận dạng một số chữ cái o-ô-ơ; a- ă- â; e-ê; u-ư; i-t-c; Tập tô, tập đồ các nét chữ: o-ô-ơ; a- ă- â; e-ê; u-ư; i-t-c	1->5
195	5	Biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.	Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ các dấu - Làm quen với sử dụng sách bút	Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình. Làm quen cách viết tiếng Việt: Hướng viết của các nét chữ; Viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Tập tô, tập đồ các chữ cái: o-ô-ơ; a- ă- â; e-ê; u-ư; i-t-c; b-d-đ; m-n-l; g-y; p,q; h,k; v-r;	1->9
196	5	Biết nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng việt.		- Nhận dạng các chữ cái: o-ô-ơ; a- ă- â; e-ê; u-ư; i-t-c; b-d-đ; m-n-l; g-y;	1->9

				h,k p,q; s,x; v-r;	
197	5	Biết nghe hiểu nội dung câu truyện, thơ, đồng dao, ca dao, dành cho lứa tuổi của trẻ.		Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè, phù hợp với độ tuổi.	1->9
198	5	Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện .		Bắt chuyện với bạn bè hoặc người lớn bằng nhiều cách khác nhau(VD: sử dụng thông tin của một câu chuyện, sự kiện hay câu hỏi). Cuộc trò chuyện được duy trì và phát triển.	4

4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội.

a) Phát triển tình cảm

199	3	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân	* 3,4 tuổi: - Tên, tuổi, giới tính		2
200	4	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- Bình đẳng giới		
201	5	- Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.		- Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân.	2
				- Nói được tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	3
202	3	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích.		- Những điều bé thích, không thích	2
203	4	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được	* 4,5 tuổi: - Sở thích, khả năng của bản thân. - <i>Tự tin vào bản thân</i>		
204	5	- Trẻ nói được điều bé thích, không	- <i>Nhìn nhận bản</i>	- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến	

		thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	<i>than tích cực</i>		
205	5	- Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn. (Dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng)		- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác	
206	5	- Trẻ biết mình là con/cháu/anh/chị/em trong gia đình.		- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình.	3
				- Vị trí và trách nhiệm với lớp học	1
207	5	- Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.		- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)	1
				- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động công việc vừa sức * <i>KN giải quyết vấn đề</i> - Cùng cô và các bạn lập kế hoạch và thực hiện công việc được phân công việc, phân công công việc	3
* <i>Thể hiện sự tự tin, tự lực</i>					
208	3	- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi		Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động , mạnh dạn khi trả lời câu hỏi	4
209	4	- Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.		- Tự chọn đồ chơi theo ý thích	
210	5	- Trẻ tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (Vệ sinh cá nhân, trực nhật,		- Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày(Vệ sinh các nhân trực nhật,	

		chơi...)		chơi...)	
211	3	- Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)	* 3,4,5 tuổi: Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao <i>- Trí nhớ làm việc</i>		6
212	4	- Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (Trục nhật, dọn đồ chơi)			
213	5	- Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.			
* Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.					
214	3	- Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	3+4+5 tuổi: <i>Nhận biết cảm xúc của bản thân với người khác</i> <i>- Ứng xử khi người khác có lỗi</i> <i>- Biết ứng xử khi người khác không giống mình</i> <i>- Đặt tên cảm xúc</i>	- Nhận biết một số cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói <i>- Giúp đỡ chia sẻ vui buồn với người khác</i>	2
215	4	- Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.		- Nhận biết một số cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh <i>* KN Đồng cảm với người khác</i> <i>- Giúp đỡ chia sẻ vui buồn với người khác</i>	
216	5	- Trẻ nhận biết được một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.		- Nhận biết một số cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc <i>* KN tôn trọng sự</i>	

				<i>đa dạng</i> - Hòa hợp với người khác	
217	3	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận	* 3,4 tuổi: - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động (vẽ, nặn, xếp hình)		2,3,6
218	4	- Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- KN tôn trọng sự đa dạng: Tôn trọng sự khác biệt của người khác - KN đối phó với căng thẳng: Giải tỏa căng thẳng, mệt mỏi của bản thân		
219	5	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	-KN kiểm soát cảm xúc: Thể hiện cảm xúc của trẻ phù hợp với hoàn cảnh, nhận biết cảm xúc của mình - Đặt tên cảm xúc * 4,5 tuổi - Kiểm soát bản thân	Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau - Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác * KN kiểm soát cảm xúc - Nhận diện cảm xúc của người khác và thể hiện tình cảm với người khác	
220	3	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ	* 3,4,5 tuổi: - Kính yêu Bác Hồ - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ	- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	9
221	4	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Trẻ biết Bác Hồ rất yêu các cháu thiếu nhi.	- Nhận ra lăng Bác Hồ	
222	5	- Trẻ nhận ra hình		- Trẻ biết ngày	

		ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc....)		19/5 là ngày sinh nhật Bác.	
223	3	- Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ	* 4,5 tuổi: - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. - Lòng biết ơn	Thích nghe kể chuyện, nghe hát đọc thơ, xem tranh ảnh về bác Hồ	9
224	4	- Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.			
225	5	- Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ cùng cô, kể chuyện về Bác Hồ			
226	4	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	* 4,5 tuổi: - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp (Đồi A1, Hàm đờ Cát, tượng đài, hầm đại tướng...) lễ hội của quê hương, đất nước (lễ hội Hoa Ban, ngày 20/11, ngày 22/12, ngày 20/10, 8/3, ngày tế dương lịch, tết cổ truyền, tết dân tộc Mông		5, 6, 7, 9
227	5	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (Trang phục, món ăn...) của quê hương đất nước.		- Một vài nét văn hóa truyền thống (Trang phục, món ăn...) của quê hương đất nước	
228	5	- Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.		- Biết an ủi và chia vui với bạn bè	1
				- Biết vượt qua sự lo lắng, sợ hãi, nỗi buồn	
				- Biết an ủi và chia vui với người thân và gia đình	3
b) Phát triển kĩ năng xã hội.					
* Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội					

229	3	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ	* 4,5 tuổi: - Một số quy định ở lớp, và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ)	- Một số quy định (về đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ) - Nhận biết hành vi “đúng” – “sai”, “tốt” – “xấu”	1
				- Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột.	3
230	4	- Trẻ thực hiện được một số qui định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi qui định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông, bà, bố, mẹ	- Qui định, nơi công cộng đi bên phải lề đường. - Áp dụng quy tắc xã hội	- Phân biệt hành vi “đúng” – “sai” - Phân biệt hành vi , “tốt” – “xấu”	7 1,3,7
231	5	- Trẻ thực hiện được một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi cất đồ chơi vào nơi qui định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố, mẹ, anh, chị, muốn đi chơi phải xin phép.		- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng” – “sai”, “tốt” – “xấu	7
232	3	- Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	* 3+4+5 tuổi - <i>Biết đón khách đến chơi nhà trong dịp tết, đến nhà người khác biết chào hỏi</i>	- Cử chỉ lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi).	2
233	4	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- <i>Nhận quà/ lì xì ngày tết</i>		6
234	5	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	* 4,5 tuổi: - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, (lịch sự) - Lòng biết ơn		2, 6
235	3	- Trẻ biết chú ý	* 3,4 tuổi:		

		nghe khi cô, bạn nói	- Chú ý nghe khi cô, bạn nói		1
236	4	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói	* 4+5 tuổi:		
237	5	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác	- <i>Nghe chăm chú</i>	- Lắng nghe ý kiến của người khác. Nhìn vào người khác khi họ đang nói - Không cắt ngang lời khi người khác đang nói * <i>KN tư duy phản biện</i> - <i>Đưa ra đánh giá và lý giải về tình huống vấn đề</i>	5
238	3	- Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ	* 3,4 tuổi: - Chờ đến lượt, (hợp tác) - <i>Thực hiện các quy định nơi công cộng(biết xếp hàng chờ đến lượt</i>	- Chơi hòa thuận với bạn	5
239	4	- Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	* 3,4,5 tuổi		
240	5	- Trẻ biết chờ đến lượt	- Áp dụng quy tắc xã hội	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận	
241	4	- Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)		- Trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)	8
242	5	- Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.		- Lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	
243	5	- Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn)		- Chơi với bạn vui vẻ - Biết dùng cách để giải quyết mâu thuẫn giữa các bạn. - Giải quyết xung đột	4
*Quan tâm đến môi trường					

244	3	- Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây	* 3,4,5 tuổi: - Bảo vệ, chăm sóc con vật quen thuộc		5
245	4	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc	- Bảo vệ, chăm sóc cây cối - Hoà hợp với thiên nhiên		6
246	5	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc			
247	3	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	* 3,4,5 tuổi: - Giữ gìn vệ sinh môi trường.		1
248	4	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định			
249	5	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định			
250	4	- Trẻ biết không bẻ cành, bứt hoa	* 3,4,5 tuổi: - Bảo vệ môi trường, cảnh quan của nhà trường. - <i>Yêu quý, chăm sóc bảo vệ cảnh quan môi trường</i> - Sử dụng đồ chơi, đồ dùng của nhà trường tiết kiệm, tái sử dụng phế liệu làm đồ chơi, đồ dùng dạy học.	- Biết không bẻ cành, bứt hoa	6
251	5	- Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...)		- Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...)	
252	4	- Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng	* 4,5 tuổi: - Tiết kiệm điện nước - <i>Phòng tránh đuối nước</i>		8
253	5	- Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- <i>Giữ gìn, Sử dụng tiết kiệm các đồ dùng đồ chơi trong lớp</i>		1
254	5	- Trẻ chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi.		- <i>Thể hiện sự quan tâm đến người khác</i>	4

				- Chủ động bắt chuyện hoặc kéo dài được cuộc trò chuyện	
255	5	- Trẻ sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn		- Quan tâm chia sẻ giúp đỡ bạn - <i>Biết giúp đỡ, chia sẻ đồng cảm với người khác</i>	1
				- Chia sẻ và cảm thông với các bạn nhỏ vùng thiên tai	8
256	5	- Trẻ biết có nhóm bạn chơi thường xuyên		- Có ít nhất 2 bạn thân hay cùng chơi với nhau	2
257	5	- Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác		- Mô tả được ảnh hưởng hành động của mình đến tình cảm và hành động của người khác	7

5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ

a) Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các phẩm nghệ thuật

258	3	- Biết vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng	* 3,4,5 tuổi: - Bộc lộ cảm xúc khi nghe + Âm thanh gọi cảm (tiếng cười đùa, tiếng khóc, tiếng chim hót, tiếng nước chảy, tiếng sấm....) + Các bài hát ru, các bản nhạc không lời nhẹ nhàng + Ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, trong cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật:	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	1->9
259	4	- Biết vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng		- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	

		tượng	cây cối, con vật, mây, nước, sông, núi, ...	phẩm nghệ thuật	
260	5	- Biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh đáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng	- Hoà hợp với thiên nhiên	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật - Nghe các âm thanh gợi cảm, bài hát, bản nhạc (thiếu nhi, dân ca)	
261	3	- Biết chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện		- Nghe các bài hát hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca)	
262	4	- Biết chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện		- Nghe và nhận ra các thể loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca)	1-> 9
263	5	- Biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ,		- Nghe các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, cổ điển) - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc	

		thích nghe và kể câu chuyện.			
264	3	- Biết vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc hình dáng ...) của các tác phẩm tạo hình		- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm	1->9
265	4	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình		- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm	
266	5	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình		- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm	
b) Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ nặn, cắt xé dán hình)					
267	3	- Biết hát tự nhiên, hát được theo giai điệu các bài hát quen thuộc		Hát đúng giai điệu lời ca bài hát	1->9
268	4	- Biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt điệu bộ	* 4+ 5 tuổi: - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc tình cảm của bài hát		

269	5	- Biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...			
270	3	- Biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa)	* 4+5 tuổi: - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp	1->9
271	4	- Biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)		- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc	
272	5	- Biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa)		- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc	
273	3	- Biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm theo sự gợi ý	* 4+ 5 tuổi: - Phối hợp, (lựa chọn) các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, (phế liệu) để tạo ra các sản phẩm: + <i>Tạo hình hoa từ các nguyên vật liệu khác nhau</i> + <i>Tạo hình con vật bằng nguyên vật liệu có sẵn</i> + <i>Trẻ tạo thuyền từ que và lá cây</i> + <i>Làm tranh từ các</i>	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm theo ý thích	1->9
274	4	- Biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm		Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích	
275	5	- Biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm		Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích	

			<i>nguyên vật liệu khác nhau</i>		
276	3	- Biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo ra bức tranh đơn giản		- Sử dụng một số kỹ năng vẽ, để tạo ra sản phẩm đơn giản	1->9
277	4	- Biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục		- Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét	
278	5	- Biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối		- Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục	
279	3	- Biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản		- Sử dụng một số kỹ năng xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản	2,3,5,7,8,9
280	4	- Biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.		- Sử dụng các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc kích thước, hình dáng/ đường nét.	2,3,5,7,8,9
282	3	- Biết lăn dọc xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối		- Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản	3,4,5,6,9
283	4	- Biết làm lồi, dẹt, bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn, để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết		- Sử dụng các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc kích thước, hình dáng/ đường nét.	3,4,5,6,9
284	5	- Biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối		- Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước,	3,4,5,6,9

				hình dáng/ đường nét và bố cục.	
285	3	- Biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản		- Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản	1-9
286	4	- Biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau		- Sử dụng các kỹ năng xếp hình xếp hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau	
287	5	- Biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng màu sắc hài hòa, bố cục cân đối		- Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét bố cục	
288	3	- Biết nhận xét các sản phẩm tạo hình		Nhận xét sản phẩm tạo hình	1->9
289	4	- Biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.		Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét	
290	5	- Biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục		Nhận xét sản phẩm tạo hình, về màu sắc, hình dáng/ đường nét, bố cục	
c) Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật					
291	3	- Biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc		- Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc	1->9
292	4	- Biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc		- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc	
293	5	- Biết tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra		- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra	

		âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích		âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích - Đặt lời giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)	
294	4	- Biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	* 4,5 tuổi: - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp, tiết tấu	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát	
295	5	- Biết gõ đệm dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	+ Mời bạn ăn + Nhà của tôi + Gà trống, mèo con và cún con + Hoa trường em + Em đi chơi thuyền + Cho tôi đi làm mưa với	Đặt lời theo giai điệu 1 bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc 1 đoạn)	2 3 5 6 7 8
296	3	- Biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích		- Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích: Vẽ, nặn, xé	1->9
297	3	- Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	* 3,4,5 tuổi: - Đặt tên cho sản phẩm của mình		1->9
298	4	- Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	* <i>KN tự nhận thức bản thân và môi trường xung quanh</i>		
299	5	- Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- <i>Bảo vệ đồ dùng sản phẩm của cá nhân tôn trọng đồ dùng/sản phẩm của người khác</i>		
300	4	- Nói được lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	* 4,5 tuổi: - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình		1->9
301	5	- Nói được lên ý			

		tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích			
--	--	--	--	--	--

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian (từ ngày 6/9/2025 đến ngày 23/5/2025)	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Các lễ/ hội	Điều chỉnh, bổ sung
6/9/2025 đến 27/9/2025	1	Trường mầm non	Ngày hội đến trường của bé	1	Khai giảng 5/9 Tết trung thu 15/8 âm (17 /9 dương)	
			Trường mầm non thân yêu	1		
			Đồ dùng, đồ chơi của bé (Tết trung thu)	1		
			Lớp học của bé	1		
30/19/ 2025 đến 18/10/2025	2	Bản thân	Bé tự giới thiệu về mình	1		
			Cơ thể của bé	1		
			Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1		
21/10/2025 đến 15/11/2025	3	Gia đình của bé	Ngôi nhà của bé	1		
			Các thành viên trong gia đình	1		
			Đồ dùng trong gia đình	1		
			Nhu cầu của gia đình(thực phẩm)	1		
18/11/2025 đến 13/12/2025	4	Nghề nghiệp	Ngày hội 20/11	1	Ngày nhà giáo VN 20/11/2025	
			Nghề chăm sóc sức khỏe	1		
			Bé yêu bác nông dân	1		
			Bé thích làm nghề gì	1		
16/12/2025 đến	5	Thế giới động vật	Một số con vật nuôi trong gia đình (gia cầm)	1	Nghỉ tết dương lịch 01/01/ 2025	
			Một số con vật nuôi trong gia đình (gia súc)	1		
			Một số con vật sống	1		

17/01/2026			trong rừng			
			Một số con vật sống dưới nước	1		
			Một số con côn trùng	1		
20/01/2026 đến 21/02/2026	6	Thực vật	Bé bé vui đón tết	1	Nghỉ tết nguyên đán từ 27/1/2026 - 31/01/2026	
			Vườn hoa mùa xuân	1		
			Cây xanh quanh	1		
			Vườn rau của bé	1		
24/2/2026 đến 21/3/2026	7	Phương tiện và QĐ giao thông	Giao thông đường bộ	1	Quốc tế phụ nữ 8/3	
			Ngày hội 8/3	1		
			Giao thông đường thủy	1		
			Quy định giao thông	1		
24/3/2026 đến 18/4/2026	8	Mùa hè - hiện tượng tự nhiên	Nước	1	Giỗ tổ hùng vương 10/3 âm (7/4 dương)	
			Mùa hè	1		
			Một số hiện tượng tự nhiên	1		
			Một số hiện tượng tự nhiên	1		
21/4/2026 đến 23/5/2026	9	Quê hương - Bác Hồ - trường TH	Bản làng em	1	Giải phóng Miền Nam 30/4 Quốc tế LĐ 1/5 Sinh nhật Bác 19/5	
			Ôn	1		
			Bé làm quen với đồ dùng lớp 1	1		
			Ngày sinh nhật bác ngày 19/5	1		
			Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	1		

**KẾ HOẠCH CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG, GIÁO DỤC LỚP
MẪU GIÁO GHEP 3, 4, 5 TUỔI
NĂM HỌC 2025 - 2026**

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC:

TT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung		Chủ đề thực hiện
			Chung	Riêng	
1	3	Trẻ biết thực hiện đủ	* 3,4,5 tuổi: Hô	*Tay:	

		các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	hấp: gà gáy, còi tàu, thổi bóng bay... * 3,4 tuổi: + Lưng, bụng, lườn: - Quay sang trái, sang phải - Cúi về phía trước; (ngửa người ra sau). - Nghiêng người sang trái, sang phải. + Chân: - Ngồi xổm, đứng lên; Bật tại chỗ	- Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên - Co và duỗi tay, bắt chéo hai tay trước ngực *Chân: - Bước lên phía trước, bước sang ngang, - Co duỗi chân.	1->9
2	4	Trẻ biết thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh		* Tay: - Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (Kết hợp vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay) - Co và duỗi tay, vỗ hai tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu) * Chân: - Nhún chân. - Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.	
3	5	Trẻ biết thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp		*Tay: - Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (Kết hợp vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân) - Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.	

				* Lưng, bụng, lườn: - Ngửa người ra sau, kết hợp giơ tay lên cao, bước chân sang phải, sang trái - Quay sang trái sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái - Nghiêng người sang hai bên * Chân: - Chân đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. - Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.	
4	3	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Biết đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Biết đi kiễng gót liên tục 3m.	* 4,5 tuổi:		
			- Đi khụy gối,	- Đi kiễng gót.	2
			- Đi trên dây	- Đi trong đường hẹp.	6
			- Đi trên vạch kẻ sàn		6
			- Nhảy lò cò (3m; 5m)		8
5	4	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Biết bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Biết đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.		- Đi trên ghế thể dục	7
				- Đi bằng gót chân	2
				- Đi lùi	3

6	5	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Biết đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,3m. - Biết không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Biết đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây.		- Đi bằng mép ngoài bàn chân.	2
				- Đi trên ván kê dốc	8
				- Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát.	7
				- Đi nổi bàn chân tiến, lùi	3
7	3	Trẻ kiểm soát được vận động: - Biết đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Biết chạy liên tục trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.	* 3,4,5 tuổi: - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh;	- Chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc	1
			- Đi thay đổi hướng đích dắc theo (vật chuẩn, hiệu lệnh)	- Đi thay đổi hướng theo đường đích dắc	5
8	4	Trẻ biết kiểm soát được vận động: - Biết đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc).	- Chạy thay đổi hướng đích dắc theo (vật chuẩn, hiệu lệnh)		4
9	5	Trẻ kiểm soát được vận động: - Biết đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần)			5
10	3	Trẻ biết phối hợp tay-mắt trong vận động: Tung, bắt - Biết tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). - Biết tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường	* 4,5 tuổi	- Lăn bắt bóng với cô	3
				- Đập bắt bóng với cô.	5
				- Tung bắt bóng với cô	6
				- Chuyển bóng hai bên theo hàng ngang, hàng dọc	7

		kính bóng 18cm).		- Đập và bắt bóng	2
11	4	Trẻ biết phối hợp tay-mắt trong vận động: Tung, bắt, ném, đập - Biết tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Biết ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Biết tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	- Tung bóng lên cao và bắt		3
			- Đập và bắt bóng tại chỗ		2
			- Tung bắt, bóng với người đối diện 3m.		6
			- Ném, bóng với người đối diện 4m		
			- Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân).		7
12	5	Trẻ biết phối hợp tay-mắt trong vận động: Tung, bắt, ném, đập - Biết bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Biết ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1,5 m). - Trẻ biết đi, đập và bắt được bóng này 4-5 lần liên tiếp.		- Tung bắt bóng tại chỗ.	5
				- Đi và đập bắt bóng.	8
13	3	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài: chạy, ném, bò, trườn, bật, bước - Trẻ có thể chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. - Biết ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Biết bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài	* 3,4 tuổi: - Bò chui qua cổng		1
				- Bật về phía trước.	5
				- Bật tại chỗ	1
				- Chạy 15m theo hướng thẳng	9
				-Bò theo hướng hướng đích dốc.	4
				- Bò theo hướng thẳng	6
				- Bước lên, xuống bậc (cao 30cm).	9

				- Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m)	3
			* 4,5 tuổi:	Trườn về phía trước	9
14	4	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: chạy, ném, bò, trườn, bật, nhảy - Biết chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. - Biết ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Biết bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.		- Trèo qua ghế dài 1,5 x 30 cm.	9
			- Bật qua vật cản cao (10 - 15 cm; 15- 20cm)	- Bật liên tục về phía trước	6
			- Chạy (15m, 18m) trong khoảng 10 giây;		5
			Chạy chậm khoảng (60 - 80m; 100 - 120m)		9
			- Bò đích dắc (qua 5; 7 điểm).		8
			- Trèo lên, xuống (5; 7 giống thang).		4
			- Bò bằng bàn tay và bàn chân (3-4m; 4-5m)		5
			- Bò chui qua ống dài (1,2 x 0,6 m; 1,5m x 0,6m).		6
					3
15	5	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: chạy, ném, bò, trườn, bật, nhảy - Biết chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Biết ném trúng đích ngang (xa 2m). - Biết bò vòng qua 5-6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu.		- Bật liên tục vào vòng	5
			- Ném trúng đích ngang xa 2m		9
			- Bật nhảy từ trên cao xuống (30-35 cm; 40-45cm)		9
			- Bật tách, khép chân qua (5 ô; 7 ô).	- Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm	7, 9
			- Ném xa bằng 2 tay.		4
			*3,4,5 tuổi: - Trườn theo hướng thẳng		7
			- Bật xa (20 - 25cm; 35- 40 cm;		4

			40 - 50cm)		
			- Ném trúng đích đứng bằng 1 tay		3
			- Ném xa bằng 1 tay		2
16	3	Trẻ có thể thực hiện được các vận động: - Biết xoay tròn cổ tay. - Biết gập, đan ngón tay vào nhau		- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết.	2,3, 4, 5, 6, 7,8,9
17	4	Trẻ thực hiện được các vận động: - Biết cuộn - xoay tròn cổ tay. - Biết gập, mở, các ngón tay.		- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi.... - Gập giấy.	
18	5	Trẻ thực hiện được các vận động: - Biết uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Biết gập, mở lần lượt từng ngón tay.		- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ nắn.	
19	3	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động. - Trẻ vẽ được hình tròn theo mẫu. - Trẻ cắt thẳng được một đoạn 10cm. - Trẻ xếp chồng 8-10 khối không đổ. - Trẻ tự cài, cởi cúc.	3,4,5 tuổi: - Cài, cởi cúc * 4,5 tuổi: - Xâu, buộc dây. - Xé, cắt đường thẳng; đường vòng cung.	- Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé dán giấy. - Sử dụng kéo, bút. - Tô vẽ nguệch ngoạc.	1->9
20	4	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: - Biết vẽ hình người, nhà, cây. - Biết cắt thành thạo theo đường thẳng. - Biết xây dựng lắp ráp với 10-12 khối.		- Lắp ghép hình. - Tô, vẽ hình - Xây dựng lắp ráp với 10-12 khối.	

		- Biết tết sợi đôi. - Biết tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.			
21	5	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: - Biết vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Trẻ cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Biết xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. - Biết ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Biết tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (Phéc mơ tuya)		- Lắp ráp. - Tô, đồ theo nét. - Kéo khóa (Phéc mơ tuya), luồn dây. - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu.	
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe					
22	3	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi Cân nặng: + Bé trai: 12,7 – 21,2 kg + Bé gái: 12,3-21,5 kg Chiều cao: + Bé trai: 94,9-111,7cm + Bé gái : 94,1-111,3 cm	* 3+4+5 tuổi - Nhận biết được các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).		1,4,9
23	4	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi Cân nặng: + Bé trai: 14,1 – 24,2 kg + Bé gái: 13,7 – 24,9 Kg Chiều cao: + Bé trai: 100,7-119,2cm			

		+ Bé gái : 99,9 -118,9 cm			
24	5	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi Cân nặng: + Bé trai: 15,9 – 27,1 kg + Bé gái: 15,3 – 27,8 Kg Chiều cao: + Bé trai:106,1-125,8 cm + Bé gái :104, -125,4 cm			
25	3	Trẻ biết nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).		- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.	2
26	4	Biết một số thực phẩm cùng nhóm - Biết thịt, cá...có nhiều chất đạm. - Biết rau, quả chín có nhiều vitamin.		- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng)	
27	5	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Biết thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Biết thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...		- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.	3
28	3	Trẻ biết tên một số món ăn hằng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...		- Một số món ăn hằng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	2
29	4	Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm,		- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.	

		nấu cháo...			
30	5	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...		- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	
31	3	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	* 3,4,5 tuổi: - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.		2, 3
32	4	Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- <i>Giữ gìn, sử dụng tiết kiệm, các loại thực phẩm tránh ôi thiu...</i>		
33	5	Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt để béo phì không có lợi cho sức khỏe.	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).		2,3
			- Nhu cầu của bản thân và sử dụng đồ dùng, nguyên liệu, thực phẩm vừa đủ, tránh lãng phí.		
34	3	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Trẻ biết rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Trẻ biết tháo tất, cởi quần, áo....	* 4,5 tuổi: - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn (và để vào nơi quy định)	- Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Biết tháo tất, cởi quần, áo...	2, 3
35	4	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Biết tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Biết tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	<i>KN hài hòa với môi trường tự nhiên</i> - <i>KN tự phục vụ:</i> <i>Giữ gìn, sử dụng tiết kiệm các đồ dùng sinh hoạt hằng ngày (quần áo, giấy dép, bánh</i>		

36	5	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: - Biết rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng. - Biết tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Biết đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong giội/ giặt nước cho sạch.	<i>xà phòng, khăn mặt...</i>) * 3,4 tuổi: - Làm quen với cách (tập) đánh răng, lau mặt. - Tập (rèn luyện thao tác) rửa tay bằng xà phòng.	- Tập luyện kỹ năng tự phục vụ cá nhân: Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng * <i>KN tự phục vụ: Chải đầu, buộc tóc, rửa tay đi vệ sinh...</i> - Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	
37	3	Biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.		Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách: * <i>KN tự phục vụ: Biết tự cầm thìa xúc cơm ăn, cất bát thìa sau khi ăn</i>	3
38	4	Biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- <i>Trẻ giúp cô kê bàn ăn, tự cất bát thìa sau khi ăn</i> - <i>KN tự phục vụ: Kê bàn, không làm rơi vãi thức ăn, lấy ghế...</i>	Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	
39	5	Biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo		Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo:	
40	3	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...	* 3,4,5 tuổi: - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.		
41	4	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Biết mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. - Biết chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Biết không uống nước lã.	<i>KN bảo vệ sức khỏe:</i> - <i>KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: Không đùa nghịch khi ăn, không uống nước lã, ăn uống đúng giờ, đủ chất...</i> * 4,5 tuổi: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn,	- Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau...	1, 2

			<i>hợp với thời tiết</i>		
44	4	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Biết vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, (nguyên nhân) và cách phòng tránh (đơn giản)	2	
			- Vệ sinh răng miệng (Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy), đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.	8	
45	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Biết vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Biết ra nắng đội mũ; Đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Biết che miệng khi ho, hắt hơi. - Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Biết bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.	- Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu (hoặc sốt)... - <i>Nói với người lớn khi cơ thể không khỏe</i> - <i>Biết bảo vệ các bộ phận trên cơ thể (bảo vệ đôi mắt, bảo vệ tai, mũi, làn da...)</i> - <i>KN bảo vệ sức khỏe và an toàn:</i> <i>Nhận biết 1 số biểu hiện khi ốm, xử lý khi bị thương nhẹ...</i>	- Che miệng khi ho, hắt hơi.	2
			- Bảo vệ sức khỏe, an toàn khi có thời tiết thay đổi hay hiện tượng thời tiết bất thường.	8	
				8	

			* 4,5 tuổi: - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.		
			- Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định; (không nhờ bầy ra lớp). <i>KN sống hài hòa với môi trường tự nhiên.</i> - <i>Sử dụng các vật liệu tự nhiên/ tái chế phân loại rác thải</i>		2
46	3	Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở	* 3,4,5 tuổi: - <i>Ứng phó và phòng tránh khi có đám cháy/ gặp nạn</i> những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng		3
47	4	Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn. không nên nghịch.	- <i>KN sử dụng đồ dùng an toàn: KN nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm</i>		4
48	5	Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. (không nghịch các vật sắc nhọn).		4
49	3	- Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (Hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.	* 3,4,5 tuổi: <i>KN bảo vệ sức khỏe, an toàn:</i> - <i>Nhận biết các tình huống và</i>		8

50	4	- Trẻ nhận ra những nơi như: Hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	<i>phòng tránh những nơi nguy hiểm không an toàn, nguy hiểm đến tính mạng như: ao, hồ, sông suối, sạt lở đất, lũ quét, cống, rãnh, trèo thang lên nhà sàn, công trình xây dựng, bể chứa nước, ruộng nước; bể chứa nước; bụi rậm, (và nói được mối nguy hiểm khi đến gần).</i>		
51	5	- Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.	<i>- KN bảo vệ SK và AT: Phòng tránh đuối nước: Ao, suối</i>		
52	3	- Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Biết không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Biết không tự lấy thuốc uống. - Biết không leo trèo bàn ghế, lan can. - Biết không nghịch các vật sắc nhọn. - Biết không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	<i>* 3,4,5 tuổi:</i> - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng như: Không cười đùa trong khi ăn, uống. <i>KN bảo vệ sức khỏe, an toàn:</i> - Ứng phó khi bị mắc kẹt trong không gian kín(Phòng kho, lớp học...)		2 1
			- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng như: khi ăn các loại quả có hạt (dễ bị hóc sặc...)		6

			+ Không tự ý uống thuốc.	- Biết không leo trèo bàn ghế, lan can. - Biết không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. - Biết không nghịch các vật sắc nhọn.	1
53	4	Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Biết không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Biết không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Biết không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	* 4,5 tuổi:- không uống rượu bia, cà phê (hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe) khi không được phép của người lớn. - không ăn thức ăn có mùi ôi; (dễ bị ngộ độc). - không ăn lá, quả lạ (dễ bị ngộ độc)	- Biết không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	1
					2
					6
54	5	Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc... - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.	<i>- KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: KN nhận biết thực phẩm ôi thiu, các chất kích thích, không tự ý uống thuốc</i>		2

55	4	Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	* 4,5 tuổi: - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ: <i>khi bị lạc, bị bắt cóc</i> - Gọi người lớn khi gặp (một số) trường hợp khẩn cấp: cháy <i>KN bảo vệ sức khỏe, an toàn:</i> - <i>Biết xử lí khi bị thương</i> - Khu vực an toàn/ nơi sơ tán gần trường học nhất. - <i>Nhận biết về nguồn lửa, nguồn nhiệt và 1 số vật dụng có thể gây cháy nổ: bếp ga, bếp củi, bình ga, bật lửa, bao diêm...</i> - <i>Ứng phó khi có đám cháy/gặp nạn: Nằm áp sát xuống nền nhà cạnh chân tường/ hô to gọi người lớn cứu hoặc bò nhanh ra khỏi chỗ đám cháy...</i> - <i>Biết cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt và 1 số sự cố có thể gây cháy, nổ: Không được đến gần bếp nấu, không nghịch bật lửa, bao diêm...</i> - <i>Nhận biết các tín hiệu, phương tiện</i>		9 3 3 3 3 4
----	---	--	--	--	---

			<i>báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy: Nghe thấy tiếng báo động thì trẻ chạy ra khỏi nơi đang ở.</i>		
			<i>KN bảo vệ sức khỏe, an toàn:</i> - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ khi cần thiết : Có người rơi xuống nước, ngã chảy máu...		8
				- Gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	3
			- Khu vực an toàn của trường học/ nơi lánh nạn khi có thiên tai xảy ra.		8
56	5	Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ. - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn.: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người	lánh nạn khi có thiên tai xảy ra. - Thực hành một số tình huống có nguy cơ mất an toàn - KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: NB 1 số tình huống và cách xử lý khi bị lạc, bị bắt cóc, bị xâm hại... + KN nhận biết các nguồn nhiệt nguy hiểm và cách phòng tránh + KN xử lý khi gặp đám cháy	- Phòng tránh xâm hại: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc	3 1, 3 2 3

		lớn, cô giáo - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.	- <i>Nhận biết được nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy, nổ.</i> - <i>Biết phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt cháy nổ có thể xảy ra.</i> <i>Biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe báo cháy.</i>	biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.	4, 7
57	5	Trẻ thực hiện đúng một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Biết sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Biết đi bộ trên hè: đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Biết không leo trèo cây, ban công, tường rào...		- Không leo trèo cây, ban công, tường rào.. .- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.	1
				- Một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn - Khi đi bộ trên hè: đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - <i>KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: Dạy trẻ cách xử lý khi bị mắc kẹt trong ô tô, phòng kho của trường/lớp...</i>	1,7
58	5	- Trẻ biết tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.		- Tham gia hoạt động tích cực - Không có biểu hiện mệt mỏi như: ngáp, ngủ gật...	4

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức.

a) Khám phá khoa học.

59	3	Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	<i>* 3+4+5 tuổi:</i> <i>+ Ứng phó với sự thay đổi của thời tiết/môi trường</i> <i>- Đặt câu hỏi: Sự thay đổi của thời tiết/môi trường</i>	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.	8
60	4	- Biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: “Vì sao cây lại héo, vì sao lá cây bị ướn		- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa: mùa xuân: Đang nóng thì chuyển sang lạnh, nhiệt độ tăng giảm đột ngột và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người	8
61	5	- Trẻ thích tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật hiện tượng. " tại sao có mưa"		- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa: mùa xuân: Đang nóng thì chuyển sang lạnh, nhiệt độ tăng giảm đột ngột và thứ tự các mùa	8
			- Sự thay đổi trong sinh hoạt con người, con vật.	5	
			- Sự thay đổi trong sinh hoạt con người, cây cối.	6	
62	3	- Biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng; nhìn, nghe, ngửi, sờ...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.		- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể như <i>mắt, mũi, tai, miệng, làn da</i>	2
				- Đặc điểm nổi bật, công dụng,cách sử dụng đồ dùng đồ chơi - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con	1,3,9 5

				vật.	
				- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của cây, hoa, quả quen thuộc	6
63	4	- Biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng	* 4+ 5 tuổi: - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể * <i>KN bảo vệ sức khỏe và an toàn</i> - <i>Biết bảo vệ các bộ phận trên cơ thể (bảo vệ đôi mắt, tai, mũi, miệng, làn da)</i> - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. * <i>KN sử dụng các đồ dùng, thiết bị an toàn</i> - <i>Biết sử dụng đồ dùng trong sinh hoạt, đồ dùng trong học tập</i> - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.. * <i>KN bảo vệ sức khỏe và an toàn</i> - <i>Tiếp xúc an toàn với con vật</i>	So sánh sự giống và khác nhau của 2-3 đồ dùng đồ chơi	2
				- Đặc điểm bên ngoài của con vật, gần gũi	5
				- Đặc điểm bên ngoài của cây, hoa, quả ích lợi và tác hại đối với con	6

				người.	
64	5	- Biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng	* 3+4+5t tuổi: - Ích lợi của thực vật đối với phòng chống thiên tai: giữ nước chống sạt lở đất, điều hòa không khí bảo vệ môi trường	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của cây, hoa, quả. - Tiếp xúc an toàn với cây, hoa, quả	1,3,9 5 6 6, 8
65	3	- Biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng VD: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi	* 3+ 4+ 5 tuổi - Quá trình phát triển của con vật; điều kiện sống của một số loại con vật. - Yêu quý bảo vệ chăm sóc con vật thân thuộc	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật gần gũi.	5
			- Quá trình phát triển của cây, điều kiện sống của một số loại cây + Làm đất, gieo các loại hạt đậu, ngô... + Trồng cây hoa ở		6

			<i>góc thiên nhiên: tưới cho cây, không tưới cho cây...</i> - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, sỏi, cát: + Thí nghiệm vật chìm, vật nổi + Trứng nổi, trứng chìm - Pha nước chanh		8 2
			* 4+5 tuổi Một số đặc điểm, tính chất của nước		8
66	4	- Biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: pha màu, đường, muối và nước, dự đoán và quan sát, so sánh	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật - Cách chăm sóc và bảo vệ cây + Thực hành: Tạo màu cho cây cải thảo.		5 6
67	5	- Biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. VD: Thử nghiệm gieo hạt, trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	- <i>Trẻ thực hành trải nghiệm làm một số thí nghiệm đơn giản như:</i> <i>Nước đổi màu, Sữa ma thuật, đổi màu của nước</i> - <i>Tạo đèn giao thông hóa học</i>		8 7
68	3	- Biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau, có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng		- Mỗi liên hệ đơn giản giữa con vật quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Mỗi liên hệ đơn giản giữa cây cối với môi trường	5 6

				sống.	
				- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.	8
69	4	- Biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện	* 4+5 tuổi: - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây với môi trường sống - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống - <i>Yêu quý bảo vệ cảnh quan thiên nhiên</i>	- Quan sát, thảo luận các loại, cây, hoa quả, - Quan sát, thảo luận các con vật - Quan sát, thảo luận các sự vật hiện tượng, thời tiết các mùa	6 5 8
70	5	- Biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận		- Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận về đối tượng như: cây cối hoa, quả. - Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận về con vật quen thuộc.	6 5
71	3	- Biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật	* 4, 5 tuổi - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo	- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc;	7

72	4	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo 1 hoặc 2 dấu hiệu	1-2 , (2-3) dấu hiệu + Một số đồ dùng, đồ chơi của lớp	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi	1,3,9 1
73	5	- Biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau	+ Phân loại Một số đồ dùng, phương tiện trong gia đình + Phân loại động vật + Phân biệt một số loại cây, một số loại quả + Đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông + Phân biệt một số PTGT <i>3+4+5 tuổi: Nhận biết một số luật giao thông đơn giản và tham gia giao thông đúng luật như: Đội mũ bảo hiểm khi ngồi xe máy, đi bên tà ni dương...</i>		3 5 6 7
74	3	- Biết nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi		- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Mối liên hệ đơn giản giữa cây với môi trường sống. Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và	5 6 8

				đêm	
75	4	- Biết nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn”.	* 4+5 tuổi: - Các nguồn nước trong môi trường sống - Đặc điểm, tính chất của nước - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống người, con vật - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cây cối.	Sự khác nhau giữa ngày và đêm	8
76	5	- Biết nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng. VD: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”	* 3+4+5 tuổi - Ích lợi của nước đối với con vật - Ích lợi của nước đối với cây cối - Ích lợi của nước đối với đời sống con người. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi - <i>Ích lợi của thực vật đối với phòng chống thiên tai: giữ nước chống sạt lở đất, điều hòa không khí bảo vệ môi trường</i> - <i>Pha nước chanh</i>		5
					6
				Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng	8
77	4	- Biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn	* 4+5 tuổi - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con		5

		để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn	vật với MT sống. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây với MT sống.		6
78	5	- Biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật		5 6
79	3	- Biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo	* 3, 4, 5 tuổi: - Một vài đặc điểm tính chất tính của đất đá, cát, sỏi	- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày.	8
			* 4,5 tuổi: - Không khí các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật - Không khí các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cây.	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật gần gũi:	5
				- Cách chăm sóc cây: Hoạt động chơi ngoài trời, góc thiên nhiên (gieo hạt, tưới cây, lau lá...)	6
80	4	- Biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát		- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 1- 2 đồ dùng, đồ chơi.	1,3,9
				- So sánh, phân loại phương tiện giao thông theo 1-2 dấu hiệu.	7
				- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 cây, hoa, quả.	5 6

81	5	- Biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát		- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2- 3 đồ dùng, đồ chơi.	1,3,9
				- So sánh sự khác và giống nhau của một số con vật	5
				- So sánh sự khác và giống nhau của một số cây, hoa, quả.	6
				- So sánh, phân loại phương tiện giao thông theo 2-3 dấu hiệu.	7
82	3	Trẻ thể hiện một điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Chơi các góc, nhóm chơi như: Âm nhạc, tạo hình, trò chơi đóng vai, gia đình, bác sỹ xây dựng...		1->9
83	4	Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình			
84	5	Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...			
85	3	Trẻ nhận biết, gọi tên các loại thiên tai thường xảy ra ở địa phương. Ứng xử đơn giản khi có hiện tai	* 3,4,5 tuổi: - <i>Động đất ra chỗ đất chống...; Sấm sét tránh xa đường dây điện, cây to, các vật dụng kim loại...</i> - <i>Dấu hiệu đặc trưng của từng loại thiên tai:</i> + <i>Sạt lở: Đất đá trên các sườn dốc của đồi núi trượt từ trên xuống.</i> + <i>Lũ: là hiện</i>		8
86	4	Trẻ nhận biết các loại thiên tai thường xảy ra ở Việt Nam. Ứng xử đơn giản khi có hiện tai			
87	5	Trẻ nhận biết tên gọi các loại thiên tai, hiểu ý nghĩa một số tên gọi đặc biệt của thiên tai do con người đặt ra. cách ứng xử đơn giản khi có thiên			

		tai và hiểu tại sao cần làm như vậy.	tượng mực nước và tốc độ của dòng chảy trên sông, suối vượt qua mức bình thường. + Mưa đá: mưa kèm theo những viên nước đá có hình dạng và kích thước khác nhau rơi xuống đất... * KN bảo vệ sức khỏe và an toàn - Ứng phó khi gặp mưa gió bão - KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: HD trẻ 1 số KN khi gặp mưa, gió bão...		
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.					
88	3	- Biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vệt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng	.	- Đếm số lượng và hỏi về số lượng, biểu thị số lượng bằng ngón tay	3
89	4	- Biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi “Bao nhiêu?”; “Là số mấy?”...	* 4,5 tuổi: - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe ...)		3, 7
90	5	- Biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm hỏi "Bao nhiêu?". "Đây là mấy?"	-		
91	3	- Biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5		Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.	1,3,4
92	4	- Biết đếm trên đối			1,3,4

		tượng trong phạm vi 10.		- Đếm, so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 6,7,8,9,10 và đếm theo khả năng.	5->8
93	5	- Biết đếm trên đối tượng phạm vi 10 và đếm theo khả năng	*4+5 tuổi Đếm trên (trong) đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng	Ôn so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 1,2,3,4,5 nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. - So sánh số lượng 2-3 nhóm đối tượng trong phạm vi 6,7,8,9,10 nói được kết quả bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất	1->8 1,3,4 5->8
94	3	- Biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	*3+4 tuổi: - Xếp tương ứng 1 - 1; ghép đôi * 3,4,5 tuổi: - So sánh số lượng 2 nhóm đt phạm vi (5-10) bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn; (ít nhất)	- Nhận biết một và nhiều - So sánh số lượng (hai – ba) nhóm đối tượng trong phạm vi 5 nói được từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	1 3,4
95	4	- Biết so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn		Ôn so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 1,2,3,4,5 - So sánh số lượng 2 -3 nhóm đối tượng trong phạm vi 6,7,8,9,10 nói	1,3,4 5->8

				được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	
96	5	- Biết so sánh số lượng ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất		Ôn so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 1,2,3,4,5 nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn - So sánh số lượng 2-3 nhóm đối tượng trong phạm vi 6,7,8,9,10 nói được kết quả bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan	1,3,4 5->8 1->8
97	4	- Biết sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	* 4-5 tuổi: Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi (5,10)	Chữ số, số lượng và số thứ tự trong 1,2,3,4,5	1->4
98	5	- Nhận biết các số từ số 5 - số 10 và sử dụng các số đó để chỉ SL, số thứ tự		- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. + Ôn nhóm số lượng 1- 5, chữ số 1-5 + Nhận biết chữ số và STT 6, 7, 8, 9, 10	1->8 1,3,4 5->8
99	3	- Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong pvi 5	* 3,4 tuổi: - Gộp 2 nhóm có đối tượng và đếm	Gộp và đếm 2 nhóm đối tượng phạm vi 4,5	3,4
100	4	- Biết gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong pvi 5, đếm và nói kết quả		Gộp và đếm 2 nhóm đối tượng phạm vi 4,5 nói kết quả	3,4
101	5	- Biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm		- Ôn Gộp và đếm 2 nhóm đối tượng phạm vi 4,5 nói kết	3,4,

				quả - Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm PV 6,7,8,9,10	5,6,7,8
102	3	- Biết tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm	* 3, 4 tuổi: - Tách 1 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ trong phạm vi 4,5		3,4
103	4	- Biết tách 1 nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn			
104	5	- Biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách 4 khác nhau.		- Ôn tách 1 nhóm đối tượng phạm vi 4,5 - Tách 1 nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau PV 6,7,8,9,10	3,4 5,6,7,8
105	4	- Biết nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày	* 4+5 tuổi: - Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số nhà, biển số xe...)		3, 7
106	5	- Biết nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày			
107	3	- Biết nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại	* 4+5T: - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.	- Xếp xen kẽ	7
108	4	- Biết nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại			
109	5	- Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu - Nhận ra được qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại - Biết sáng tạo ra mẫu		Tạo ra quy tắc sắp xếp	

		sắp xếp và tiếp tục sắp xếp			
110	3	- Biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn, nhỏ hơn , dài hơn, ngắn hơn, cao hơn, thấp hơn, bằng nhau	* 4,5 tuổi: - So sánh chiều cao của 3 đối tượng	- So sánh 2 đối tượng về kích thước + So sánh chiều dài của 2 đối tượng + So sánh chiều cao của 2 đối tượng	4
					6
111	4	- Biết sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh		- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo.	4
				- Đo dung tích bằng 1 đơn vị đo	8
112	5	- Biết sử dụng được một số công cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả		Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau	4
				- Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	7
				- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo	8
113	3	- Biết nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật	* 4,5 tuổi: - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế - Sử dụng các hình học để chắp ghép	9 5
114	4	- Biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...) - Biết sử dụng các vật		- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật	5

		liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản			
115	5	- Biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật		- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế - Tạo ra một số hình hình học bằng cách khác nhau.	5
116	3	- Biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân	* 4,5 tuổi: - Xác định vị trí của đồ vật (phía trước – phía sau; phía trên, dưới; phía phải – phía trái) so với bản thân trẻ	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải – tay trái của bản thân	2
117	4	- Biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác			
118	5	- Biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước – phía sau; phía trên, dưới; phía phải – phía trái) so với bạn khác .	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước – phía sau; phía trên, dưới; phía phải – phía trái) so với 1 vật nào đó làm chuẩn	3 9
119	4	- Biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự, thời gian trong ngày		- Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối. * <i>KN giải quyết vấn đề</i> - <i>Quản lý quỹ thời gian</i>	8
120	5	- Biết gọi đúng tên các		- Nhận biết hôm	8

		thứ trong tuần, các mùa trong năm - Biết nói được ngày trên lốc lịch và giờ trên đồng hồ		qua, hôm nay và ngày mai. - Gọi tên các ngày trong tuần - Nói được lốc lịch để làm gì - Nói được ngày trên lốc lịch - Nói được giờ trên đồng hồ - <i>Biết quản lý quỹ thời gian trong ngày</i>	
c) Khám phá xã hội					
121	3	- Biết nói tên tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, nói chuyện	* 4,5 tuổi: - Nhận biết bản thân như Họ tên, tuổi (ngày sinh), giới tính đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. - <i>Thể hiện khả năng sở trường của bản thân</i>	- <i>Tên, tuổi, giới tính của bản thân</i> - Trò chuyện những người yêu thương, chăm sóc bé	2
122	4	- Biết nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Vị trí của trẻ trong GD		3
123	5	- Biết nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện			
124	3	- Biết nói tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình	* 3,4,5 tuổi: - Địa chỉ gia đình * 4,5 tuổi: - Nhu cầu gia đình	- Tên của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình.	3
125	4	- Biết nói họ tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình		- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ.	
126	5	- Nói được tên tuổi, giới tính và công việc		- Các thành viên trong gia đình,	

		hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình		nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn).	
127	3	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi trò chuyện, xem ảnh về gia đình	* 3+4+5 tuổi: - Nói được địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố, thôn, xóm); số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi trò chuyện - <i>KN bảo vệ SK và AT: lên xuống cầu thang an toàn khi đi lên nhà sàn</i>	- Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi trò chuyện, xem ảnh về gia đình	3
128	4	Biết nói địa chỉ của gia đình (số nhà, đường phố, thôn, xóm) khi được hỏi trò chuyện			
129	5	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố, thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi trò chuyện			
130	3	- Biết nói tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện		- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo - Tên các bạn, đồ dùng đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường	1
131	4	- Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường / lớp khi được hỏi và trò chuyện		- Nói được tên và địa chỉ của trường / lớp khi được hỏi và trò chuyện	
132	5	- Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số địa điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện		- Nói được tên, địa chỉ và mô tả một số địa điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	
133	4	- Trẻ nói được tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi trò chuyện	* 4+5 tuổi: - Họ tên và đặc điểm của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường/ lớp		1
134	5	Trẻ nói được họ tên ,			

		đặc điểm của bạn ở trong lớp khi được hỏi, trò chuyện			
135	3	- Biết kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh	* 4,5 tuổi: - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương - Dự án: Làm ngôi nhà	Tên gọi, sản phẩm, ích lợi của một số nghề phổ biến	4
136	4	- Biết kể tên công việc, công cụ, sản phẩm, ích lợi... của một số nghề khi khi được hỏi, trò chuyện			
137	5	- Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. VD: nói “Nghề nông làm lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới...”	- Một số nghề có vai trò, trách nhiệm tham gia vào công tác phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH: dự báo khí tượng thủy văn, phát thanh viên chương trình dự báo thời tiết, công nhân vệ sinh môi trường, cứu hộ cứu nạn, ...		4, 8
138	3	- Biết kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết Trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh	* 3,4,5 tuổi: - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. Kể tên một số ngày lễ: - Ngày lễ hội, ngày quốc khánh 2/9; ngày khai giảng, tết trung thu; - Ngày hội, 20/10 - Tham gia các hoạt động ngày hội 20/11		9
139	4	- Trẻ biết kể tên và nói được đặc điểm của một số ngày lễ hội			
140	5	- Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. ví dụ nói: “Ngày quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi			
					1
					3
					4

		chơi công viên...”	- Ngày, 22/12 quân đội nhân dân Việt Nam, ngày lễ tết dân tộc - <i>Tham gia các hoạt động ngày 22/12, ngày tết dương lịch</i> - Ngày tết cổ truyền dân tộc Mông - Ngày hội mừng 8/3, ngày 26/3 ĐTN - Ngày Lễ 10/3 giỗ tổ Hùng Vương - Ngày Lễ, 30/4 - >1/5 ngày sinh nhật bác 19/5. - Biết một vài cảnh đẹp, danh lam thắng cảnh, đất nước, nơi tưởng niệm Bác. - <i>Tham gia các hoạt động thăm quan bản làng...</i> - <i>Thể hiện mình thuộc dân tộc H mông quê hương mình</i>		5 6 7 8 9
141	3	- Trẻ kể được tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương	*3+ 4+ 5 tuổi: - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương đất nước		9
142	4	- Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp di tích lịch sử ở địa phương	+ Bác Hồ với các cháu thiếu nhi		
143	5	- Biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	+ Cờ tổ quốc		

144	3	Trẻ nhận biết và kể tên bằng tiếng việt: Trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, một số bộ phận cơ thể, màu sắc, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa , quả, con vật, PTGT, mùa hè...			
145	4	Trẻ nhận biết và kể tên bằng tiếng việt: Trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, hành động, bộ phận, các giác quan cơ thể; các thành viên trong gia đình; màu sắc, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa , quả, con vật, PTGT, mùa hè...	* 3, 4, 5 tuổi - Một số hình ảnh trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng. Một số hình ảnh tên, một số bộ phận cơ thể		1
			Một số hình ảnh nghề nghiệp quen thuộc,		2
			Một số hình ảnh về hoa, quả,		4
					6
146	5	Trẻ nhận biết, kể tên và so sánh bằng tiếng việt rõ ràng: Trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, bộ phận, các giác quan cơ thể; các thành viên trong gia đình; hành động, màu sắc, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa , quả, con vật, PTGT, mùa hè...	Một số hình ảnh con vật, Một số hình ảnh về PTGT,		5 7
			Một số hình ảnh mùa hè, hiện tượng tự nhiên.		8
			- Làm quen với tiếng việt: + Các từ chỉ tên trường, lớp, đồ chơi, chào hỏi...		1
			+ Các từ chỉ hành động, khuôn mặt, màu sắc, số đếm 1, 2, 3...		2
			+ Các từ chỉ các		2, 3

			<i>phòng trong nhà bé, cảm xúc của bé...</i>		
			<i>+ Các từ chỉ một số nghề gần gũi</i>		4
			<i>+ Các từ chỉ một số con vật quen thuộc</i>		5
			<i>+ Các từ chỉ một số loại hoa, quả...</i>		6
			<i>+ Các từ chỉ một số PTGT, biển báo GT...</i>		7
			<i>+ Các từ chỉ thời tiết mùa hè, một số hoạt động trong mùa hè...</i>		8
			<i>+ Các từ chỉ một số địa danh ở Điện Biên...</i>		9

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

a) Nghe hiểu lời nói

147	3	Biết thực hiện được yêu cầu đơn giản. Ví dụ: Cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ.		- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.	4
148	4	Biết thực hiện được 2- 3 yêu cầu liên tiếp. Ví dụ: "Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng".	* 4,5tuổi: - Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu (liên tiếp)		
149	5	Biết thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, VD: Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái H đứng sang bên trái			
150	3	Trẻ hiểu được nghĩa các	- Nghe hiểu nội	- Hiểu các từ chỉ	

		từ khái quát gần gũi quần áo, đồ chơi, hoa quả...	dùng các câu đơn, câu mở rộng, (câu phức) - Nghe lời nói trong giao tiếp hàng ngày. - <i>KN giao tiếp xã hội : Ứng xử phù hợp với người lớn trong giao tiếp</i> - <i>Hiểu ý nghĩa của từ biến đổi khí hậu, giải thích nguyên nhân, diễn biến của biến đổi khí hậu theo mối liên hệ đơn giản: Vì chặt phá rừng nên lũ lụt.</i>	người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. - Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.	1->9
151	4	Biết hiểu từ khái quát: Rau quả, con vật, đồ gỗ...			
152	5	Biết hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...)			
153	3	Biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	* 3,4,5 tuổi: - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.		1->9
154	4	Biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại			
155	5	Biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại	- Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè, phù hợp với độ tuổi * 4,5 tuổi: * <i>KN giao tiếp xã hội</i> - <i>Nghe chăm chú, đặt câu hỏi</i> - <i>Trình bày ý kiến cá nhân</i>		
b) Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày					
156	3	Biết nói rõ các tiếng. <i>Trẻ nói được từ, câu tiếng việt đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.</i>		Phát âm các tiếng của tiếng việt.	1->9
157	4	Biết nói rõ để người nghe có thể hiểu được.		Phát âm các tiếng có chứa các âm	

		<i>Trẻ nói được tiếng việt khi người lớn yêu cầu.</i>		khó.	
158	5	Biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được <i>Trẻ nói được tiếng việt rõ ràng khi người lớn yêu cầu.</i>	<i>* 4+5 tuổi</i> - Nói tiếng việt tên chỉ trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, màu sắc - Nói tiếng việt từ chỉ tên, giới tính, một số bộ phận trên cơ thể, - Nói tiếng việt tên chỉ một số thành viên trong gia đình, hành động. - Nói tiếng việt tên chỉ nghề nghiệp quen thuộc. - Nói tiếng việt tên chỉ con vật. <i>Nói tiếng việt tên chỉ một số hoa, quả.</i> - Nói tiếng việt chỉ PTGT. - Nói tiếng việt tên chỉ mùa hè - Nói tiếng việt tên chỉ một số địa danh ở Điện Biên...	Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.	1 2 3 4 5 6 7 8 9
159	3	Biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...	* 3,4 tuổi: Trả lời và đặt các câu hỏi: “ Ai?”; “ Cái gì?”; “ Ở đâu?”; “ Khi nào?” (“Để làm gì”.)		1->9
160	4	Biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...			

161	5	Biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ... phù hợp với ngữ cảnh		- Trả lời câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: “Tại sao?”; “Có gì giống nhau?”; “Có gì khác nhau?”; “Do đâu mà có?” - Đặt các câu hỏi: “Tại sao?”; “Như thế nào?”; “Làm bằng gì?”	
162	3	Biết sử dụng được câu đơn, câu ghép.		- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng	1->9
163	4	Biết sử dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.		- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.	
164	5	Biết dùng câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh ...		Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.	
165	3	Biết kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Thăm ông bà, đi chơi, xem phim ...	* 3,4,5 tuổi: <i>Kể lại sự việc/sự kiện</i> hiện tượng (có nhiều tình tiết; theo trình tự).	Kể lại sự việc	1->9
166	4	Biết kể lại sự việc theo trình tự.		Kể lại sự việc có nhiều tình tiết	
167	5	Biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái ... của nhân vật.		Kể lại sự việc theo trình tự.	
168	3	Biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao ...	* 3,4,5 tuổi: Đọc thơ ,ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.		1->9
169	4	Biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao ...			
170	5	Biết đọc biểu cảm bài			

		thơ, đồng dao, ca dao ...			
171	3	Biết kể lại chuyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.		- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.	8
172	4	Biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc.		- Kể lại truyện đã được nghe.	
173	5	Biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện ...trong nội dung truyện		- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.	
174	3	Biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	* 4,5 tuổi: - Đóng kịch	Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên	5
175	4	Biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.			
176	5	Biết đóng vai của nhân vật trong truyện.			
177	3	Biết sử dụng các từ: “Vâng ạ”; “Dạ”; “Thưa” ... trong giao tiếp.	* 3,4 tuổi: Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép, <i>biết ơn</i>		3
178	4	Biết sử dụng các từ như: “Mời cô”; “Mời bạn”; “Cảm ơn”, “Xin lỗi”... trong giao tiếp.			
179	5	Biết sử dụng các từ: “Cảm ơn”; “Xin lỗi”; “Xin phép”; “Thưa”; “Dạ”; “Vâng”... phù hợp với tình huống.		Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ	3
				- Nét mặt phù hợp yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	2
180	3	Biết nói đủ nghe, không nói lí nhí.	* 3,4,5 tuổi: Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt, phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - * <i>KN kiểm soát cảm xúc</i>		2
181	4	Biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.			
182	5	Biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ			

		cảnh.	<i>Thể hiện cảm xúc của bản thân phù hợp với hoàn cảnh, nhận biết cảm xúc của bản thân</i>		
c) Làm quen với đọc- viết					
183	3	Biết đề nghị người khác đọc sách cho trẻ nghe, tự giờ sách xem tranh.	* 3,4,5 tuổi: Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.	Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “ Đọc ” truyện. Giữ gìn sách. Tiếp xúc với chữ, sách truyện	9
184	4	Biết chọn sách để xem.			
185	5	Biết chọn sách để (đọc) và xem.			
186	3	Biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.		- Mô tả sự vật tranh ảnh có sự giúp đỡ.	8
187	4	Biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.		- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh	
188	5	Biết kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.		- Kể chuyện theo đồ vật theo tranh.	
189	4	Biết nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	* 4,5 tuổi: Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)		7
190	5	Biết nhận ra ký hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra- vào, cấm lửa, biển báo giao thông...			
191	4	Biết cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh. (Đọc) sách theo tranh minh họa (đọc vẹt)	* 4+5 tuổi: Phân biệt phần mở đầu kết thúc của sách. “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. Giữ gìn, bảo vệ sách		4
192	5	Biết cách (đọc sách) từ trái sang phải, từ trên			

		xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.			
193	3	Biết thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.	* 3,4,5 tuổi: Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt.		
194	4	Biết sử dụng ký hiệu đề (viết): tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.	Nhận dạng một số chữ cái o-ô-ơ; a- ă- â; e-ê; u-ư; i-t-c; Tập tô, tập đồ các nét chữ: o-ô-ơ; a- ă- â; e-ê; u-ư; i-t-c	1->5
195	5	Biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.	Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ các dấu - Làm quen với sử dụng sách bút	Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình. Làm quen cách viết tiếng Việt: Hướng viết của các nét chữ; Viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Tập tô, tập đồ các chữ cái: o-ô-ơ; a- ă- â; e-ê; u-ư; i-t-c; b-d-đ; m-n-l; g-y; p,q; h,k; v-r;	1->9
196	5	Biết nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng việt.		- Nhận dạng các chữ cái: o-ô-ơ; a- ă- â; e-ê; u-ư; i-t-c; b-d-đ; m-n-l; g-y; h,k p,q; s,x; v-r;	1->9
197	5	Biết nghe hiểu nội dung câu truyện, thơ, đồng dao, ca dao, dành cho lứa tuổi của trẻ.		Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè, phù hợp với độ tuổi.	1->9
198	5	Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện .		Bắt chuyện với bạn bè hoặc người lớn bằng nhiều cách khác nhau(VD: sử dụng thông tin của một câu chuyện, sự	4

				kiện hay câu hỏi). Cuộc trò chuyện được duy trì và phát triển.	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội.					
a) Phát triển tình cảm					
199	3	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân	* 3,4 tuổi: - Tên, tuổi, giới tính - Bình đẳng giới		2
200	4	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.			
201	5	- Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.		- Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân.	2
				- Nói được tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	3
202	3	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích.		- Những điều bé thích, không thích	2
203	4	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được	* 4,5 tuổi: - Sở thích, khả năng của bản thân. - <i>Tự tin vào bản thân</i> - <i>Nhìn nhận bản thân tích cực</i>		
204	5	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.		- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến	
205	5	- Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn. (Dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng)		- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác	
206	5	- Trẻ biết mình là con/cháu/anh/chị/em trong gia đình.		- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình.	3
				- Vị trí và trách nhiệm với lớp học	1
207	5	- Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.		- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)	1
				- Chủ động và độc	3

				lập trong một số hoạt động công việc vừa sức * <i>KN giải quyết vấn đề</i> - Cùng cô và các bạn lập kế hoạch và thực hiện công việc được phân công việc, phân công công việc	
* <i>Thể hiện sự tự tin, tự lực</i>					
208	3	- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi		Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động , mạnh dạn khi trả lời câu hỏi	4
209	4	- Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.		- Tự chọn đồ chơi theo ý thích	
210	5	- Trẻ tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (Vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)		- Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày(Vệ sinh các nhân trực nhật, chơi...)	
211	3	- Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)	* 3,4,5 tuổi: Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao - <i>Trí nhớ làm việc</i>		6
212	4	- Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (Trực nhật, dọn đồ chơi)			
213	5	- Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.			
* <i>Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.</i>					
214	3	- Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	3+4+5 tuổi: <i>Nhận biết cảm xúc của bản thân với người khác</i> - <i>Ứng xử khi người khác có lỗi</i>	- Nhận biết một số cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói - <i>Giúp đỡ chia sẻ</i>	

			- <i>Biết ứng xử khi người khác không giống mình</i> - <i>Đặt tên cảm xúc</i>	vui buồn với người khác	2
215	4	- Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.		- Nhận biết một số cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh * <i>KN Đồng cảm với người khác</i> - <i>Giúp đỡ chia sẻ vui buồn với người khác</i>	
216	5	- Trẻ nhận biết được một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.		- Nhận biết một số cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc * <i>KN tôn trọng sự đa dạng</i> - <i>Hòa hợp với người khác</i>	
217	3	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận	* 3,4 tuổi: - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động (vẽ, nặn, xếp hình)		2,3,6
218	4	- Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- <i>KN tôn trọng sự đa dạng: Tôn trọng sự khác biệt của người khác</i> - <i>KN đối phó với căng thẳng: Giải tỏa căng thẳng, mệt mỏi của bản thân</i>		

219	5	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	- <i>KN kiểm soát cảm xúc: Thể hiện cảm xúc của trẻ phù hợp với hoàn cảnh, nhận biết cảm xúc của mình</i> - <i>Đặt tên cảm xúc</i> * 4,5 tuổi - <i>Kiểm soát bản thân</i>	Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau - Mỗi quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác * <i>KN kiểm soát cảm xúc</i> - <i>Nhận diện cảm xúc của người khác và thể hiện tình cảm với người khác</i>	
220	3	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ	* 3,4,5 tuổi: - Kính yêu Bác Hồ - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ	- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	9
221	4	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Trẻ biết Bác Hồ rất yêu các cháu thiếu nhi.	- Nhận ra lăng Bác Hồ	
222	5	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc....)		- Trẻ biết ngày 19/5 là ngày sinh nhật Bác.	
223	3	- Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ		Thích nghe kể chuyện, nghe hát đọc thơ, xem tranh ảnh về bác Hồ	9
224	4	- Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	* 4,5 tuổi: - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.		
225	5	- Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ cùng cô, kể chuyện về Bác Hồ	- Lòng biết ơn		
226	4	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê	* 4,5 tuổi: - Quan tâm đến di		

		hương, đất nước	tích lịch sử, cảnh đẹp (Đồi A1, Hầm đờ Cát, tượng đài, hầm đại tướng...) lễ hội của quê hương, đất nước (lễ hội Hoa Ban, ngày 20/11, ngày 22/12, ngày 20/10, 8/3, ngày tế dương lịch, tết cổ truyền, tết dân tộc Mông		5, 6, 7, 9
227	5	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (Trang phục, món ăn...) của quê hương đất nước.		- Một vài nét văn hóa truyền thống (Trang phục, món ăn...) của quê hương đất nước	
228	5	- Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.		- Biết an ủi và chia vui với bạn bè - Biết vượt qua sự lo lắng, sợ hãi, nỗi buồn	1
				- Biết an ủi và chia vui với người thân và gia đình	3
b) Phát triển kĩ năng xã hội.					
* Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội					
229	3	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ	* 4,5 tuổi: - Một số quy định ở lớp,và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ)	- Một số quy định (về đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ) - Nhận biết hành vi “đúng” – “sai”, “tốt” – “xấu”	1
				- Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột.	3
230	4	- Trẻ thực hiện được một số qui định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi qui định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông, bà, bố, mẹ	- Qui định, nơi công cộng đi bên phải lề đường. - Áp dụng quy tắc xã hội	- Phân biệt hành vi “đúng” – “sai” - Phân biệt hành vi , “tốt” – “xấu”	7
					1,3,7

231	5	- Trẻ thực hiện được một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi cất đồ chơi vào nơi qui định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố, mẹ, anh, chị, muốn đi chơi phải xin phép.		- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng” – “sai”, “tốt” – “xấu	7
232	3	- Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	* 3+4+5 tuổi - <i>Biết đón khách đến chơi nhà trong dịp tết, đến nhà người khác biết chào hỏi</i>	- Cử chỉ lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi).	2
233	4	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.			6
234	5	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	- <i>Nhận quà/ lì xì ngày tết</i> * 4,5 tuổi: - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, (lich sự) - Lòng biết ơn		2, 6
235	3	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói	* 3,4 tuổi: - Chú ý nghe khi cô, bạn nói		1
236	4	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói	* 4+5 tuổi: - <i>Nghe chăm chú</i>		
237	5	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác		- Lắng nghe ý kiến của người khác. Nhìn vào người khác khi họ đang nói - Không cắt ngang lời khi người khác đang nói * <i>KN tư duy phản biện</i> - <i>Đưa ra đánh giá và lý giải về tình huống vấn đề</i>	5
238	3	- Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ	* 3,4 tuổi: - Chờ đến lượt, (hợp tác)	- Chơi hòa thuận với bạn	5

239	4	- Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	- Thực hiện các quy định nơi công cộng(biết xếp hàng chờ đến lượt * 3,4,5 tuổi		
240	5	- Trẻ biết chờ đến lượt	- Áp dụng quy tắc xã hội	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận	
241	4	- Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)		- Trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)	8
242	5	- Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.		- Lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	
243	5	- Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn)		- Chơi với bạn vui vẻ - Biết dùng cách để giải quyết mâu thuẫn giữa các bạn. - Giải quyết xung đột	4
*Quan tâm đến môi trường					
244	3	- Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây	* 3,4,5 tuổi: - Bảo vệ, chăm sóc con vật quen thuộc		5
245	4	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc	- Bảo vệ, chăm sóc cây cối		6
246	5	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc	- Hoà hợp với thiên nhiên		
247	3	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	* 3,4,5 tuổi: - Giữ gìn vệ sinh môi trường.		1
248	4	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định			
249	5	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định			
250	4	- Trẻ biết không bẻ cành, bứt hoa	* 3,4,5 tuổi: - Bảo vệ môi trường, cảnh quan của nhà trường.	- Biết không bẻ cành, bứt hoa	6
251	5	- Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành,	- Yêu quý chăm sóc bảo vệ cảnh quan	- Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa	

		hái hoa...)	<i>môi trường</i> - Sử dụng đồ chơi, đồ dùng của nhà trường tiết kiệm, tái sử dụng phế liệu làm đồ chơi, đồ dùng dạy học.	bãi, bể cảnh, hái hoa...)	
252	4	- Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng	* 4,5 tuổi: - Tiết kiệm điện nước - <i>Phòng tránh đuối nước</i>		8
253	5	- Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- <i>Giữ gìn, Sử dụng tiết kiệm các đồ dùng đồ chơi trong lớp</i>		1
254	5	- Trẻ chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi.		- <i>Thể hiện sự quan tâm đến người khác</i> - Chủ động bắt chuyện hoặc kéo dài được cuộc trò chuyện	4
255	5	- Trẻ sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn		- Quan tâm chia sẻ giúp đỡ bạn - <i>Biết giúp đỡ, chia sẻ đồng cảm với người khác</i>	1
				- Chia sẻ và cảm thông với các bạn nhỏ vùng thiên tai	8
256	5	- Trẻ biết có nhóm bạn chơi thường xuyên		- Có ít nhất 2 bạn thân hay cùng chơi với nhau	2
257	5	- Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác		- Mô tả được ảnh hưởng hành động của mình đến tình cảm và hành động của người khác	7

5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ

a) Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các phẩm nghệ thuật

258	3	- Biết vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng	* 3,4,5 tuổi: - Bộc lộ cảm xúc khi nghe + Âm thanh gọi cảm (tiếng cười đùa, tiếng khóc, tiếng chim hót, tiếng nước chảy, tiếng sấm....) + Các bài hát ru, các bản nhạc không lời nhẹ nhàng + Ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, trong cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật: cây cối, con vật, mây, nước, sông, núi, ... - Hoà hợp với thiên nhiên	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	1->9
259	4	- Biết vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng		- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	
260	5	- Biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh đáng điệu và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng		- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật - Nghe các âm thanh gọi cảm, bài hát, bản nhạc (thiếu nhi, dân ca)	
261	3	- Biết chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ,		- Nghe các bài hát hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca)	

		thích nghe và kể câu chuyện			
262	4	- Biết chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện		- Nghe và nhận ra các thể loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca)	1-> 9
263	5	- Biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.		- Nghe các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, cổ điển) - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc	
264	3	- Biết vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc hình dáng ...) của các tác phẩm tạo hình		- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm	1->9
265	4	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình		- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm	
266	5	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình		- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm	
b) Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ nặn, cắt xé dán hình)					

267	3	- Biết hát tự nhiên, hát được theo giai điệu các bài hát quen thuộc		Hát đúng giai điệu lời ca bài hát	1->9
268	4	- Biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt điệu bộ	* 4+ 5 tuổi: - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc tình cảm của bài hát		
269	5	- Biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...			
270	3	- Biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa)	* 4+5 tuổi: - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp	1->9
271	4	- Biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)		- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc	
272	5	- Biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa)		- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc	
273	3	- Biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm theo sự gợi ý	* 4+ 5 tuổi: - Phối hợp, (lựa chọn) các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, (phế liệu) để tạo ra các sản phẩm: + <i>Tạo hình hoa từ các nguyên vật liệu khác nhau</i>	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm theo ý thích	1->9
274	4	- Biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm		Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích	
275	5	- Biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật		Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ,	

		liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm	+ <i>Tạo hình con vật bằng nguyên vật liệu có sẵn</i> + <i>Trẻ tạo thuyền từ que và lá cây</i> + <i>Làm tranh từ các nguyên vật liệu khác nhau</i>	nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích	
276	3	- Biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo ra bức tranh đơn giản		- Sử dụng một số kỹ năng vẽ, để tạo ra sản phẩm đơn giản	1->9
277	4	- Biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục		- Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét	
278	5	- Biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối		- Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục	
279	3	- Biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản		- Sử dụng một số kỹ năng xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản	2,3,5,7,8,9
280	4	- Biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.		- Sử dụng các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc kích thước, hình dáng/ đường nét.	2,3,5,7,8,9
282	3	- Biết lăn dọc xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối		- Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản	3,4,5,6,9
283	4	- Biết làm lồi, dẹt, bẹt, bẻ, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn, để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết		- Sử dụng các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc kích thước, hình dáng/ đường	3,4,5,6,9

				nét.	
284	5	- Biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối		- Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	3,4,5,6,9
285	3	- Biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản		- Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản	1-9
286	4	- Biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau		- Sử dụng các kỹ năng xếp hình xếp hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau	
287	5	- Biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng màu sắc hài hòa, bố cục cân đối		- Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét bố cục	
288	3	- Biết nhận xét các sản phẩm tạo hình		Nhận xét sản phẩm tạo hình	1->9
289	4	- Biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.		Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét	
290	5	- Biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục		Nhận xét sản phẩm tạo hình, về màu sắc, hình dáng/ đường nét, bố cục	
c) Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật					
291	3	- Biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc		- Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc	
292	4	- Biết lựa chọn và tự		- Lựa chọn, thể	

		thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc		hiện các hình thức vận động theo nhạc	1->9
293	5	- Biết tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích		- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích - Đặt lời giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)	
294	4	- Biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	* 4,5 tuổi: - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp, tiết tấu	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát	
295	5	- Biết gõ đệm dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	+ Mời bạn ăn + Nhà của tôi + Gà trống, mèo con và cún con + Hoa trường em + Em đi chơi thuyền + Cho tôi đi làm mưa với	Đặt lời theo giai điệu 1 bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc 1 đoạn)	2 3 5 6 7 8
296	3	- Biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích		- Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích: Vẽ, nặn, xé	1->9
297	3	- Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	* 3,4,5 tuổi: - Đặt tên cho sản phẩm của mình		
298	4	- Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	* <i>KN tự nhận thức bản thân và môi trường xung quanh</i>		1->9
299	5	- Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- <i>Bảo vệ đồ dùng sản phẩm của cá nhân tôn trọng đồ dùng/sản phẩm của người khác</i>		

300	4	- Nói được lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	* 4,5 tuổi: - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình		1->9
301	5	- Nói được lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích			

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian (từ ngày 6/9/2025 đến ngày 23/5/2025)	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Các lễ/ hội	Điều chỉnh, bổ sung
6/9/2025 đến 27/9/2025	1	Trường mầm non	Ngày hội đến trường của bé	1	Khai giảng 5/9 Tết trung thu 15/8 âm (17 /9 dương)	
			Trường mầm non thân yêu	1		
			Đồ dùng, đồ chơi của bé (Tết trung thu)	1		
			Lớp học của bé	1		
30/9/ 2025 đến 18/10/2025	2	Bản thân	Bé tự giới thiệu về mình	1		
			Cơ thể của bé	1		
			Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1		
21/10/2025 đến 15/11/2025	3	Gia đình của bé	Ngôi nhà của bé	1		
			Các thành viên trong gia đình	1		
			Đồ dùng trong gia đình	1		
			Nhu cầu của gia đình(thực phẩm)	1		
18/11/2025 đến 13/12/2025	4	Nghề nghiệp	Ngày hội 20/11	1	Ngày nhà giáo VN 20/11/2025	
			Nghề chăm sóc sức khỏe	1		
			Bé yêu bác nông dân	1		
			Bé thích làm nghề gì	1		
16/12/2025 đến 17/01/2026	5	Thế giới động vật	Một số con vật nuôi trong gia đình (gia cầm)	1	Nghỉ tết dương lịch 01/01/ 2025	
			Một số con vật nuôi trong gia đình (gia súc)	1		
			Một số con vật sống trong rừng	1		
			Một số con vật sống dưới nước	1		
			Một số con côn trùng	1		
20/01/2026 đến 21/02/2026	6	Thực vật	Bé bé vui đón tết	1	Nghỉ tết nguyên đán từ 27/1/2026 - 31/01/2026	
			Vườn hoa mùa xuân	1		
			Cây xanh quanh	1		
			Vườn rau của bé	1		
24/2/2026 đến 21/3/2026	7	Phương tiện và	Giao thông đường bộ	1	Quốc tế phụ nữ 8/3	
			Ngày hội 8/3	1		

		QĐ giao thông	Giao thông đường thủy	1		
			Quy định giao thông	1		
24/3/2026 đến 18/4/2026	8	Mùa hè - hiện tượng tự nhiên	Nước	1	Giỗ tổ Hùng vương 10/3 âm (7/4 dương)	
			Mùa hè	1		
			Một số hiện tượng tự nhiên	1		
			Một số hiện tượng tự nhiên	1		
21/4/2026 đến 23/5/2026	9	Quê hương - Bác Hồ - trường TH	Bản làng em	1	Giải phóng Miền Nam 30/4 Quốc tế LĐ 1/5 Sinh nhật Bác 19/5	
			Ôn	1		
			Bé làm quen với đồ dùng lớp 1	1		
			Ngày sinh nhật bác ngày 19/5	1		
			Bác Hồ với các cháu thiếu nhi			

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

HIỆU TRƯỞNG
(Ký duyệt)

Lường Thị Tuyên

Lò Thị Dung